

Số: 13 /KH-UBND

An Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh An Giang**

**Phần thứ nhất**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

Giai đoạn 2021-2025, tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Đại dịch COVID-19 gây tác động nghiêm trọng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh phi truyền thống tiếp tục gia tăng. Trong nước, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, bền vững, kinh tế số đặt ra nhiều nhiệm vụ mới. Trong bối cảnh đó, tỉnh An Giang vừa tập trung phục hồi kinh tế - xã hội, vừa sắp xếp tổ chức bộ máy sau sáp nhập; với sự chỉ đạo sâu sát của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; nhiều chủ trương, chính sách quan trọng được ban hành và triển khai đồng bộ, hiệu quả, tạo tác động tích cực đến sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định, đời sống Nhân dân được cải thiện, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh An Giang bước vào giai đoạn phát triển mới với khí thế, quyết tâm và kỳ vọng cao hơn.

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ,  
CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Kết quả thực hiện các khâu đột phá**

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh An Giang đã tập trung triển khai hiệu quả 03 khâu đột phá và đạt nhiều kết quả tích cực: (1) Cải cách hành chính được xác định là điểm sáng, với việc triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch cải cách gắn với chuyển đổi số, hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; chỉ số cải cách hành chính và mức độ hài lòng từng bước được cải thiện. (2) Huy động và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đẩy mạnh, nhất là hạ tầng giao thông, tạo bước chuyển rõ nét về tính kết nối, đồng bộ và năng lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. (3) Phát triển nguồn nhân lực được quan tâm toàn diện; công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn được tăng cường, chất lượng lao động từng bước nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển

của tỉnh trong giai đoạn mới<sup>1</sup>.

## **2. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị**

**2.1. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**, tỉnh đã ban hành và triển khai đồng bộ các chương trình hành động, kế hoạch, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm các sở, ngành, địa phương<sup>2</sup>. Công tác khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực; hạ tầng số được đầu tư đồng bộ, Internet di động băng rộng phủ khắp địa bàn, 100% cơ quan nhà nước hoạt động trên môi trường số. Chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công được đẩy mạnh, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp được nâng cao, xếp hạng tốt ở nhóm dẫn đầu cả nước. Tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 3,45% (1.306.853 triệu đồng/37.873.398 triệu đồng). Đã thực hiện giải ngân 927.537 triệu đồng (trong đó: Vốn sự nghiệp là 176.209 triệu đồng; Vốn đầu tư là 751.328 triệu đồng), đạt tỷ lệ 70,97%% so với số đã bố trí<sup>3</sup>.

**2.2 Thực hiện nghị Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới**, tỉnh đã ban hành và triển khai đồng bộ Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>4</sup>, tạo cơ sở thống nhất trong tổ chức thực

<sup>1</sup> Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%, trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 17,55%; tỷ lệ lao động học nghề ra trường có việc làm đúng với nghề đã học đạt trên 80%.

<sup>2</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 02-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 15-KH/ĐU ngày 20/10/2025 thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch 161/KH-UBND ngày 23/10/2025 xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh An Giang đến năm 2035. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh An Giang đã ban hành: Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 29/9/2025 về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 29/9/2025 triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 23/10/2025 triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến cuối năm 2025. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thực hiện kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ đạo kiện toàn Tổ giúp việc, Hội đồng tư vấn về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 886/KH-UBND ngày 19/7/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW trên địa bàn tỉnh và tiếp tục rà soát, cập nhật phù hợp tình hình của tỉnh; thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang; thành lập Tổ Công tác về cải cách hành chính.

<sup>3</sup> Nguyên nhân: (1) Sau sắp xếp đơn vị hành chính, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị bị thay đổi, công tác kiện toàn bộ máy và sắp xếp trang thiết bị, phương tiện gặp khó khăn dẫn đến một số nội dung không thể triển khai thực hiện được; (2) Quy trình, thủ tục giải ngân vốn chỉ thường xuyên cho công nghệ thông tin qua nhiều bước (theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP của Chính phủ) khiến đơn vị khó khăn trong đăng ký nhiệm vụ và chậm trong quá trình cấp kinh phí và giải ngân; (3) Cơ chế, chính sách hướng dẫn chi tiết cho các nội dung chi liên quan đến đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa thật đồng bộ; (4) Việc xác định nhiệm vụ khoa học - công nghệ và nhiệm vụ chuyển đổi số còn chồng lấn, chưa có tiêu chí cụ thể để bố trí kinh phí riêng biệt; (5) Tiến độ thực hiện, nghiệm thu và quyết toán một số nhiệm vụ chuyển đổi số còn chậm, ảnh hưởng tiến độ giải ngân; (6) Nhiều nội dung chi mới (dữ liệu số, nền tảng điện toán đám mây, bảo mật thông tin) chưa có quy định chi tiết về định mức, nội dung chi dẫn đến chậm giải ngân hoặc khó kiểm soát chi phí. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng chưa huy động mạnh mẽ được nguồn vốn khu vực tư nhân, doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

<sup>4</sup> Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

hiện. Công tác hội nhập quốc tế, nhất là ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh thông qua tăng cường cung cấp thông tin, xúc tiến hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch với các đối tác như Nhật, Thái Lan, Israel, Đan Mạch, Hàn Quốc... Tích cực mở rộng hợp tác biên giới, ký kết và triển khai các nội dung thực hiện Hiệp định Thương mại biên giới Nam - Cam-pu-chia với các tỉnh: Kandal, Takeo, Kampot, góp phần thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế khu vực biên giới và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị khu vực.

*2.3. Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, tỉnh đã ban hành và triển khai đồng bộ Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>5</sup>, tạo cơ sở thống nhất trong tổ chức thực hiện. Công tác rà soát, kế thừa, sắp xếp hệ thống văn bản quy phạm pháp luật sau sáp nhập được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tính liên tục, ổn định trong quản lý nhà nước. Toàn tỉnh tiếp tục áp dụng các văn bản còn phù hợp<sup>6</sup>, đồng thời kịp thời đề xuất bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp<sup>7</sup>, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

*2.4. Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*, tỉnh đã ban hành và triển khai đồng bộ Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>8</sup> nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân. Tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ và điều kiện kinh doanh; đồng thời tăng cường thu hút đầu tư. Giai đoạn 2021-2025 thành lập mới 14.042 doanh nghiệp với tổng vốn là 273.611 tỷ đồng; lũy kế đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 18.651 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng vốn đăng ký là 384.205 tỷ đồng.

*2.5. Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 318/TTr-UBND ngày 10/11/2025 tham mưu dự thảo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*2.6. Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính*

<sup>5</sup> Chương trình hành động số 04-CT/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kế hoạch số 12-KH/ĐU ngày 20/10/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<sup>6</sup> 253 Nghị quyết và 322 Quyết định quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày 01/7/2025 cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

<sup>7</sup> 101 Nghị quyết và 210 Quyết định.

<sup>8</sup> Chương trình hành động số 05-CT/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

*trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 04-CT/TU, ngày 10/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Tỉnh đã duy trì vững chắc và toàn diện các chỉ số đánh giá về giáo dục đại trà, giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, nâng mức đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học lên mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông và trung học cơ sở ở mức ổn định trên 99%, đồng thời đạt thành tích ngày càng cao tại các kỳ thi học sinh giỏi và cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông của An Giang thường xuyên nằm trong nhóm 10 tỉnh thành cao nhất cả nước, vượt trội so với mặt bằng chung của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Phấn đấu đến 2030, tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, hoàn thành thực hiện giáo dục bắt buộc đối với trung học cơ sở; 85% người trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục cấp trung học phổ thông hoặc tương đương; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%; tỷ lệ người lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên chiếm 24%; 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia,... xác định đây là những điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu lớn đột phá trong chất lượng công tác giáo dục và đào tạo của tỉnh.

*2.7. Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân*, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 05-CT/TU ngày 10/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, xác định y tế là trọng tâm của chính sách kinh tế - xã hội, lấy người dân làm trung tâm. Tỉnh tập trung triển khai đồng bộ 07 nhóm mục tiêu lớn<sup>9</sup>; kết quả bước đầu đạt nhiều kết quả tích cực như: số bác sỹ trên 10.000 dân đạt 11 bác sỹ; số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 31,24 giường; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 95%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 98%; 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử; 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Các kỹ thuật cao được triển khai đồng bộ; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ khám chữa bệnh Nhân dân.

### **3. Tiến độ chuẩn bị Hội nghị APEC 2027**

Từ đầu năm 2025, sau khi được Trung ương cho phép đăng cai Tuần lễ cấp cao APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, Tỉnh ủy, UBND tỉnh An Giang đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác chuẩn bị, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để hoàn thiện cơ sở pháp lý, quy hoạch và danh mục dự án phục vụ APEC. Thủ tướng Chính phủ đã giao tỉnh triển khai 21 dự án trọng điểm. Ở cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo phục vụ và tổ chức Hội nghị cấp cao APEC được thành lập; ban hành Đề án tổng thể các hoạt động của tỉnh phục vụ cho

<sup>9</sup> (1) Xác định “người dân là chủ thể, trung tâm” trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; (2) Phát triển con người một cách toàn diện về thể lực, trí lực, tâm vốc và tuổi thọ khỏe mạnh của Nhân dân; (3) Thực hiện đầu tư đột phá trong hệ thống y tế cơ sở và y tế dự phòng; (4) Cải cách tài chính y tế, bảo hiểm y tế, giảm gánh nặng chi phí cho người dân; (5) Phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong y tế; (6) Phát huy vai trò y tế tư nhân và huy động mọi nguồn lực xã hội cho y tế; (7) Đổi mới quản trị, hoàn thiện thể chế và tăng cường trách nhiệm giải trình

việc tổ chức các hoạt động của năm APEC 2027; 07 Tiểu ban chuyên trách được kiện toàn và triển khai xây dựng các tiểu đề án, kế hoạch thực hiện theo lộ trình trong năm 2025-2027<sup>10</sup>. Công tác điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch Phú Quốc và các quy hoạch phân khu được thực hiện khẩn trương, đồng bộ<sup>11</sup>. Đến nay, các dự án phục vụ APEC cơ bản đảm bảo tiến độ<sup>12</sup>; nguồn vốn đầu tư công đã được bố trí năm 2025 là 4.123,3 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương 2.751 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 1.372,3 tỷ đồng. Tính đến ngày 15/01/2026, tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 cho các dự án phục vụ APEC đạt tiến độ, cụ thể: Nguồn vốn ngân sách Trung ương: đã giải ngân 1.700,132/2.751 tỷ đồng, đạt 61,8% kế hoạch. Nguồn vốn ngân sách tỉnh: đã giải ngân 928/1.372 tỷ đồng, đạt 67,6% kế hoạch.

#### **4. Công tác triển khai vận hành tổ chức bộ máy sau khi sắp xếp mô hình mới, chính quyền địa phương 02 cấp**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về vận hành tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bám sát chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp đơn vị hành chính, nhất là các Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và Nghị định của Chính phủ về Trung tâm phục vụ hành chính công. Sau hơn 05 tháng vận hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào nề nếp, thông suốt và không bị gián đoạn trong điều hành, phục vụ nhân dân. Bộ máy hành chính được tinh gọn<sup>13</sup>, góp phần rút ngắn tầng nấc trung gian, giảm chi phí ngân sách, và tăng tính tập trung trong chỉ đạo, điều hành. Các cơ quan hành chính các cấp đã kiện toàn tổ chức (16 cơ quan

<sup>10</sup> Tiểu ban Lễ tân đã ban hành Quyết định 135/QĐ-BCĐ ngày 4/12/2025 phê duyệt Tiểu đề án các hoạt động của Tiểu ban lễ tân; Tiểu ban Vật chất và Hậu cần, Tiểu ban Tuyên truyền và Văn hóa, và Tiểu ban Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đã hoàn thiện dự thảo văn bản tổ chức, quy chế hoạt động và Tiểu đề án, đang tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt; Tiểu ban Dự án đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Tiểu đề án và đồng thời 21 dự án phục vụ Hội nghị đang triển khai đúng quy định, tỷ lệ giải ngân đạt 39,53%; Tiểu ban An ninh và Y tế đã hoàn tất dự thảo kiện toàn tổ chức, xây dựng Tiểu đề án và triển khai các phương án bảo đảm an ninh, trật tự; Tiểu ban Chính trang, nâng cấp hạ tầng đã hoàn thành dự thảo Tiểu đề án và Quyết định thành lập.

<sup>11</sup> UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang đến năm 2040 (đề án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024); Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung Phú Quốc, bổ sung Hồ chứa nước Dương Đông 2; ban hành 06 Quyết định về phê duyệt quy hoạch phân khu.

<sup>12</sup> + Nhóm 1 (10 dự án đầu tư công): 10 dự án đã được phê duyệt đầu tư dự án và đang triển khai thi công, gồm: (1) Dự án Xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm tổ chức hội nghị APEC và các công trình chức năng; (2) Dự án Ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật khu vực An Thới; (3) Dự án Ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật khu vực Dương Đông; (4) Dự án Đại lộ APEC; (5) Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc; (6) Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (Đoạn từ ĐT.973 - Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 - ĐT.973); (7) Dự án Hồ nước Cửa Cạn; (8) Nhóm dự án Khu tái định cư; (9) Hồ nước Dương Đông 2; (10) Dự án Tuyến tàu điện đô thị đoạn 1.

+ Nhóm 02 (11 dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và đầu tư kinh doanh): đã hoàn thành lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện 11 dự án, gồm: Dự án đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc cho Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Cảng hàng không Mặt Trời; Dự án Khu đô thị hỗn hợp - Bãi Đất Đỏ cho Nhà đầu tư Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc; Dự án Khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái Núi Ông Quán cho Nhà đầu tư Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc; Dự án Nhà máy nước Hồ Cửa Cạn cho Nhà đầu tư Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - môi trường Bình Dương; Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bãi Bồn cho Nhà đầu tư Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - môi trường Bình Dương; Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt An Thới cho Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - môi trường Bình Dương; Dự án Nhà máy điện rác Bãi Bồn cho Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - môi trường Bình Dương.

<sup>13</sup> giảm 49 đầu mối bên trong các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, giảm 42 đơn vị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giảm 137 đơn vị cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

chuyên môn và 6 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, 303 cơ quan cấp xã), bố trí nhân sự và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Các xã, phường, đặc khu phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền; từng bước khắc phục các khó khăn ban đầu về bố trí đội ngũ cán bộ, trụ sở, điều kiện làm việc, nhất là việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ mới, xuất hiện nhiều cách làm hay, mô hình hiệu quả trong việc vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công, phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp<sup>14</sup>.

## **5. Về triển khai công tác lập và thực hiện các quy hoạch, đề án quan trọng trên địa bàn tỉnh**

*Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và Hội đồng thẩm định dự toán điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Quyết định phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và dự toán điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; hiện nay, Sở Tài chính đang phối hợp các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị tư vấn khẩn trương triển khai thực hiện theo tiến độ Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

*Về nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2045:* Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Quản lý Khu kinh tế đã phát hành Tờ trình số 29/TTr-BQLKKT ngày 27/10/2025 gửi Sở Xây dựng thẩm định dự toán điều chỉnh quy hoạch.

*Đề án “Phát triển tổng thể Phú Quốc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ xem xét tại Tờ trình số 386/TTr-UBND ngày 01/12/2025.

*Đề án xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tại Tờ trình số 377/TTr-UBND ngày 14/11/2025.

<sup>14</sup> (1) UBND đặc khu Kiên Hải đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 về việc thành lập, phân công cơ cấu tổ chức của 04 Tổ phụ trách địa bàn thuộc UBND đặc khu Kiên Hải để theo dõi, giám sát, đôn đốc và hướng dẫn công tác triển khai nhiệm vụ chính trị tại địa bàn được phân công phụ trách, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực và hướng dẫn, tiếp nhận thủ tục hành chính công cho nhân dân, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, không để gián đoạn công việc.

(2) UBND phường Chi Lăng xây dựng các mô hình: (i) “05 tại chỗ” giúp rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng phục vụ; (ii) Mô hình Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số gồm: Xây dựng Fanpage “Trung tâm Hành chính công Chi Lăng” (Facebook, Zalo, TikTok) để hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu kết quả thủ tục hành chính và tuyên truyền cải cách hành chính; Vận hành phần mềm quản lý hồ sơ điện tử, kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia; Tổ chức “Tổ hướng dẫn chuyển đổi số cộng đồng” hỗ trợ người dân cao tuổi, người dân tộc Khmer nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; (iii) Mô hình “05 biết - 03 thể hiện” trong thực thi công vụ: Biết chào, Biết cười, Biết lắng nghe, Biết hướng dẫn, Biết cảm ơn và Tôn trọng - Trách nhiệm - Thân thiện, từ đó nâng cao ý thức phục vụ, xây dựng hình ảnh công chức gần dân, tận tâm, trách nhiệm.

(3) UBND phường Rạch Giá thí điểm “Điểm hỗ trợ, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại cộng đồng dân cư trên địa bàn”: từ ngày 01/8/2025 bắt đầu thực hiện thí điểm tại 14 khu phố. Trong đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công chọn 03 Khu phố (Khu phố 3, phường Rạch Sỏi (cũ); Khu phố 5, phường An Hòa (cũ); Khu phố Quang Trung, phường Vĩnh Quang (cũ)) làm Lễ ra mắt thí điểm “Điểm hỗ trợ, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại cộng đồng dân cư trên địa bàn”. Từ ngày 01/10/2025 tiếp tục thực hiện thí điểm 09 khu phố.

(4) UBND xã Châu Phong triển khai hệ thống “Camera giám sát trực tuyến” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để tăng tính minh bạch.

*Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia:* Sở Nông nghiệp và Môi trường đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tiếp tục phối hợp với Đại học Cần Thơ đang xây dựng dự thảo đề án.

*Đề án hoàn chỉnh Bệnh viện Đa khoa vùng tại Kiên Giang:* Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (tại Tờ trình số 407/TTr-SYT ngày 06/12/2024). Đồng thời, Sở Y tế đang thực hiện rà soát, hoàn chỉnh Đề án để phù hợp với tình hình sau sáp nhập tỉnh và định hướng phát triển ngành y tế trong giai đoạn tới, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*Đề án đầu tư Khu Kinh tế cửa khẩu An Giang:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án làm cơ sở để triển khai thực hiện tại Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 06/3/2025; tuy nhiên do thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp tục rà soát, điều chỉnh Đề án phù hợp với tỉnh An Giang mới sau sáp nhập.

*Đề án Mở và nâng cấp cửa khẩu chính Khánh Bình thành cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Khánh Bình:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Bộ Ngoại giao xem xét thẩm định hồ sơ mở và nâng cấp cửa khẩu Quốc tế đường bộ và đường sông Khánh Bình để trình Chính phủ quyết định (Công văn 1627/UBND-NC ngày 07/11/2025).

### **III. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

#### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

Trong giai đoạn 2021-2025, kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển tích cực, nhiều ngành, lĩnh vực có tăng trưởng cao so cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,59%. Trong đó, khu vực nông – lâm – thủy sản, tăng 2,51%; khu vực công nghiệp - xây dựng, tăng 8,40% (*Công nghiệp tăng 9,22%*); khu vực dịch vụ tăng 7,40%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,42% (*biểu chi tiết đính kèm*).

#### **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp các lĩnh vực chủ yếu**

##### **2.1. Kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo đảm đời sống xã hội trở lại hoạt động bình thường, tạo nền tảng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội**

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, tỉnh đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch theo quan điểm “ngăn chặn, phát hiện, cách ly, khoanh vùng, dập dịch”, bám sát chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Y tế. Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh được thành lập và kịp thời ban hành các kế hoạch ứng phó theo từng cấp độ dịch trên địa bàn, linh hoạt điều chỉnh các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế. Tỉnh tăng cường kiểm soát biên giới, quản lý chặt chẽ việc đi lại, xét nghiệm, truy vết, thiết lập các chốt kiểm soát và thực hiện nghiêm giãn cách xã hội; đồng thời, huy động tối đa nguồn lực tổ chức tiêm vắc xin đạt tỷ lệ

bao phủ cao<sup>15</sup>, triển khai hiệu quả mô hình điều trị tháp ba tầng, kiểm soát tốt tỷ lệ tử vong (chỉ chiếm 2,4% trên tổng số ca mắc). Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và giữ vững an ninh trật tự được bảo đảm; dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, tạo nền tảng quan trọng cho phục hồi sản xuất, phát triển kinh tế – xã hội và ổn định đời sống Nhân dân.

## **2.2. Ưu tiên tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát**

Triển khai kịp thời, linh hoạt các giải pháp tín dụng, tiền tệ, ngân hàng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Hệ thống tổ chức tín dụng hoạt động ổn định<sup>16</sup>, quy mô huy động và cho vay tăng trưởng khá, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Các chương trình tín dụng chính sách được triển khai đồng bộ, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sau dịch COVID-19.

Công tác quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước được tăng cường theo hướng chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách và chuyển đổi số trong quản lý thu - chi, chống thất thu, trốn thuế, gian lận và nợ đọng thuế. Giai đoạn 2021-2025, tổng thu ngân sách ước đạt 112.362 tỷ đồng, tăng bình quân 5,78%/năm; tổng chi ngân sách ước đạt 191.768,31 tỷ đồng, tăng bình quân 10,57%/năm, bảo đảm nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh.

Các giải pháp bình ổn thị trường, cân đối cung - cầu được triển khai đồng bộ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2021–2025 ước đạt 1.046.799 tỷ đồng, tăng bình quân 15,1%/năm. Hệ thống phân phối, logistics, thương mại điện tử từng bước phát triển; xuất khẩu đạt kết quả tích cực với kim ngạch ước đạt 10.498 triệu USD, tăng bình quân 11,55%/năm. Công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng được tăng cường, góp phần ổn định thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **2.3. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

*a) Nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định, vừa bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tổng sản lượng lúa giai đoạn 2021-2025, đạt khoảng 43,3 triệu tấn, tốc độ tăng bình quân 0,76%/năm. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp được chuyển dịch theo lợi thế từng vùng, từng địa phương; nhân rộng các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, tổ chức sản xuất theo cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ; áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu. Triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu

<sup>15</sup> Đối với người từ 18 tuổi trở lên là 97,72%, và nhóm từ 15-17 tuổi đạt 82,86%.

<sup>16</sup> Tổng huy động vốn tại địa phương giai đoạn 2021-2025, ước đạt 170.200 tỷ đồng, đạt 111,07% kế hoạch, tăng bình quân 8,63%/năm; tổng dư nợ tín dụng đạt 292.000 tỷ đồng, đạt 97,1% kế hoạch, tăng bình quân 11,73%/năm; nợ xấu duy trì dưới 3%, bảo đảm an toàn hệ thống.



Long đến năm 2030”. Chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, trang trại, an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao<sup>17</sup>.

*Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới* đạt kết quả tích cực; đến cuối năm 2025, có 69 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 09 xã đạt chuẩn nâng cao và 01 xã đạt chuẩn kiểu mẫu. *Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*, toàn tỉnh đã có 582 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên, trong đó, có 14 sản phẩm đạt hạng 5 sao cấp quốc gia.

Duy trì thực hiện tốt công tác quản lý, khoanh nuôi, trồng và bảo vệ rừng, đặc biệt chú trọng phòng, chống cháy rừng và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,8%.

Thủy sản tiếp tục tái cơ cấu theo hướng tăng diện tích nuôi trồng; ứng dụng nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao, nuôi lồng bè, nuôi biển, nuôi tôm, cá tra, tôm - lúa thích ứng biến đổi khí hậu. Tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2021 - 2025, ước đạt trên 7,2 triệu tấn<sup>18</sup>, tốc độ tăng bình quân 5 năm 3,07%/năm. Tiếp tục tăng cường triển khai đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), từng bước đáp ứng các yêu cầu khắc phục "thẻ vàng" của EC.

*b) Công nghiệp:* Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; chú trọng phát triển các nhóm ngành có giá trị gia tăng cao<sup>19</sup>; từng bước hình thành và mở rộng một số ngành công nghiệp mới<sup>20</sup>. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2025, ước đạt 476.802 tỷ đồng<sup>21</sup>, tốc độ tăng bình quân 9,94%/năm; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm khoảng 96% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; các sản phẩm công nghiệp chủ lực tiếp tục tăng trưởng cao như khai thác đá, giày da, thủy sản, các sản phẩm gỗ.... Các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, lúa gạo, thủy sản, rau quả ứng dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, từng bước hình thành chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Kinh tế tập thể, hợp tác xã, làng nghề tiểu thủ công nghiệp có bước chuyển biến, tạo ra những sản phẩm đặc trưng gắn với lợi thế từng địa phương.

*c) Dịch vụ, đặc biệt du lịch tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại:* Du lịch phục hồi và tăng trưởng mạnh; giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh ước đón 81.370.513 lượt khách, trong đó, có 3.722.147 lượt khách quốc tế<sup>22</sup>, tốc độ tăng bình quân 15,4%/năm; tổng thu từ du lịch ước đạt 147.348 tỷ đồng<sup>23</sup>.

<sup>17</sup> Năm 2025, đàn trâu 5.734 con, tăng 83,56%; đàn bò 58.000 con, tăng 74,06%; đàn heo đạt 447.071 con, tăng 73,16% so cùng kỳ; đàn gia cầm đạt 13.300 ngàn con, tăng 58,06%; yến sào 35 tấn, tăng 48,57% so với năm 2020. Toàn tỉnh, hiện có 453 trang trại, trong đó: Có 4 trang trại heo/16.500 con, 02 trang trại gà/155.000 con, 01 trang trại vịt/60.000 con.

<sup>18</sup> Trong đó, năm 2025, sản lượng khai thác 430.788 tấn, tăng 73,41%; sản lượng nuôi trồng 1.171.599 tấn, tăng 48,18% so với năm 2020.

<sup>19</sup> Tỉnh tập trung phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng thân thiện môi trường, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp và chế biến nông - thủy - hải sản.

<sup>20</sup> như: sản xuất bia, kính cường lực, linh kiện điện - điện tử, giày da, bê tông nhẹ,...

<sup>21</sup> Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025, ước đạt 118.044 tỷ đồng, tăng 60,69% so với năm 2020.

<sup>22</sup> Trong đó, tổng lượt khách du lịch năm 2025, ước đạt 24,13 triệu lượt khách, tăng hơn 12,35 triệu lượt khách so với năm 2020 (khách quốc tế ước đón trên 1,9 triệu lượt khách, tăng hơn 1,73 triệu lượt khách so với năm 2020).

<sup>23</sup> Trong đó, tổng thu từ du lịch năm 2025, ước đạt 67.944 tỷ đồng, tăng 56,077 tỷ đồng so với năm 2020.

Các sản phẩm du lịch đặc thù được hình thành và phát triển tại các trung tâm du lịch trọng điểm như Phú Quốc, Châu Đốc, Hà Tiên, hướng tới du lịch xanh, du lịch văn hóa – tâm linh, sinh thái, biển đảo, nông nghiệp và cộng đồng. Chú trọng đầu tư hạ tầng, dịch vụ, nâng cao chất lượng sản phẩm và trải nghiệm du khách. Tăng cường hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; đẩy mạnh liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng hợp tác quốc tế với Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản,... góp phần nâng cao vị thế du lịch của tỉnh.

Dịch vụ vận tải phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh hiện đang quản lý 512 tuyến vận tải với khoảng 23.900 phương tiện, vận chuyển 956.496 ngàn lượt hành khách, tăng bình quân 5 năm 3,6%/năm<sup>24</sup> và 277.980 nghìn tấn hàng hóa, tăng bình quân 5 năm 0,9%/năm<sup>25</sup>; từng bước chuyển đổi sang phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường, phù hợp xu thế phát triển xanh.

d) *Tập trung phát triển kinh tế biển* trở thành động lực quan trọng, trong đó, du lịch, dịch vụ biển tăng trưởng mạnh<sup>26</sup>; lượng khách du lịch tăng bình quân 14,93%/năm, doanh thu tăng 39,81%/năm. Vận tải biển phát triển mạnh, có hơn 36 phương tiện chở khách, 150 phương tiện chở hàng, lượng hành khách tăng trên 8%/năm. Hạ tầng ven biển được tập trung đầu tư xây dựng gắn với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

đ) *Kinh tế biên mậu phát triển khá*, trở thành động lực thúc đẩy xuất khẩu và liên kết vùng với Campuchia. Tỉnh tập trung đầu tư hạ tầng tại các khu kinh tế cửa khẩu<sup>27</sup> góp phần mở rộng giao thương và tăng kim ngạch xuất nhập khẩu<sup>28</sup>. Hiện tỉnh đang khẩn trương hoàn chỉnh Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang; Đề án Mở và nâng cấp cửa khẩu chính Khánh Bình, thành cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Khánh Bình; thực hiện điều chỉnh quy hoạch các khu kinh tế cửa khẩu theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực.

## **2.4. Hiệu quả công tác tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

Công tác huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực được triển khai hiệu quả; vốn đầu tư công được bố trí tập trung, có trọng tâm, ưu tiên các công trình động lực, hạ tầng giao thông, đô thị, chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu và vùng khó khăn. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao 77.694,082 tỷ đồng (Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh An Giang), trong đó: ngân sách trung ương 29.183,085 tỷ đồng, ngân sách địa phương 48.510,997 tỷ đồng.

<sup>24</sup> Trong đó, khối lượng vận chuyển hành khách năm 2020, từ 226.449 ngàn lượt người tăng lên 270.486 ngàn lượt người năm 2025.

<sup>25</sup> Trong đó, vận chuyển hàng hóa năm 2020, từ 56.629 ngàn tấn tăng lên 59.238 ngàn tấn năm 2025.

<sup>26</sup> Tỉnh đã cấp 54 giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho 05 tổ chức và 49 cá nhân theo quy định; phê duyệt và kêu gọi đầu tư 08 dự án nuôi biển, tổng diện tích 2.480 ha, vốn đầu tư 1.730 tỷ đồng; bổ sung 06 dự án đầu tư nuôi biển quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, với diện tích 3.287,8 ha, tổng vốn đầu tư 1.120 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương đầu tư cho 05 doanh nghiệp nuôi biển, với diện tích 2.908,7 ha, vốn đầu tư 1.110 tỷ đồng.

<sup>27</sup> Như Khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên; Khu kinh tế cửa khẩu An Giang (khu vực cửa khẩu: Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình) và Cửa khẩu chính Giang Thành, Vĩnh Hội Đông.

<sup>28</sup> Giai đoạn 2021–2025, đã triển khai 07 dự án bằng ngân sách nhà nước với tổng vốn 347.630 triệu đồng; thu hút 21 dự án ngoài ngân sách (01 dự án FDI), với tổng vốn đăng ký 1.224 tỷ đồng, trong đó, có 18 dự án đi vào hoạt động, đóng góp ngân sách 2.642 tỷ đồng.

Ước giá trị giải ngân toàn tỉnh 69.563,392 tỷ đồng, đạt 89,53% kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao (trong đó: Ngân sách trung ương 27.459,211 tỷ đồng/29.183,085 tỷ đồng, đạt 94,09% kế hoạch; vốn ngân sách địa phương: 42.104,182 tỷ đồng/48.510,997 tỷ đồng, đạt 86,79% kế hoạch).

Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư có chuyên biến tích cực; giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh cấp mới chủ trương đầu tư cho 102 dự án với diện tích 2.972,8 ha, tổng vốn 133.838 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 1.548 dự án với diện tích 38.233 ha, tổng vốn 615.673 tỷ đồng.

## **2.5. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại, ưu tiên công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, các dự án có tính liên vùng**

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông và liên kết vùng. Hạ tầng giao thông nông thôn, đường huyện, xã được triển khai đồng bộ; cảng biển, bến thủy, hàng không tiếp tục được đầu tư nhằm thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển xuất nhập khẩu và du lịch. Phối hợp với Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan để triển khai các công trình giao thông trọng điểm quốc gia đi qua địa bàn<sup>29</sup>. Hạ tầng nông nghiệp - nông thôn được đầu tư với tổng vốn trên 223 tỷ đồng<sup>30</sup>. Ước cuối năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 80,96% (tăng 2,64% so với năm 2020). Hệ thống cấp nước đô thị được cải thiện đáng kể tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung năm 2020 từ 94% lên 95,4% năm 2025.

Hạ tầng điện và năng lượng tái tạo được quan tâm đầu tư mở rộng, đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho người dân và doanh nghiệp, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, hải đảo<sup>31</sup>. Năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời và sinh khối tiếp tục có bước phát triển, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và thúc đẩy chuyển đổi xanh<sup>32</sup>. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư đồng bộ, thu hút ngày càng nhiều dự án, tạo việc làm và tăng thu ngân sách địa phương<sup>33</sup>. Tỉnh đã và đang triển khai 08 dự án nhà ở xã hội<sup>34</sup>,

<sup>29</sup> Như: Cao tốc Lộ Tê (Cần Thơ) - Rạch Sỏi; dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi- Bến Nhứt, Gò Quao- Vĩnh Thuận; phối hợp nghiên cứu lập BCNCTKT tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; lập đề xuất đầu tư tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau và nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; đường bộ ven biển đoạn Rạch Giá - Hòn Đất và từ Hòn Đất - Kiên Lương,...

<sup>30</sup> Các dự án trọng điểm bao gồm: phát triển hệ thống cấp nước sinh hoạt, thủy lợi, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số,...

<sup>31</sup> Mạng lưới điện truyền tải 110KV và 220KV được đầu tư phát triển đồng bộ; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,8%, trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,5%, hoàn thành kế hoạch đề ra.

<sup>32</sup> Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời đã được đưa vào vận hành và hòa vào lưới điện quốc gia. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy điện mặt trời khoảng 320 MWp với tổng mức đầu tư khoảng 8.858 tỷ đồng.

<sup>33</sup> Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã quy hoạch 11 KCN, với quy mô 1.711,47 ha, trong đó: có 05 KCN đã và đang đầu tư hạ tầng, với diện tích 505,33 ha, đưa vào hoạt động; đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 07 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.175 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 21 ha và 01 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, với vốn đăng ký đầu tư 2.458 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 193 ha. Lũy kế đến nay, đã thu hút được 66 dự án, trong đó, thu hút được 01 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng KCN Vàm Cống với tổng vốn đầu tư khoảng 2.458 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư khoảng 193 ha và 65 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh (có 10 dự án 100% vốn nước ngoài) với tổng vốn đăng

dự kiến hoàn thành giai đoạn 2021-2025 là 3.200 căn, đạt 86,04% (so với chỉ tiêu được giao theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 là 3.719 căn). Các lĩnh vực hạ tầng thông tin - truyền thông, hạ tầng số, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và phòng chống thiên tai được chú trọng đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

## **2.6. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch; nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị**

Tỉnh tập trung rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, cập nhật các định hướng phát triển mới, tạo cơ sở đẩy nhanh triển khai các dự án. Đẩy mạnh đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị; tăng cường đầu tư hạ tầng, chỉnh trang và nâng cao hiệu quả quản lý đô thị tại các trung tâm động lực như Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Hà Tiên, Phú Quốc. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 38/48 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 34,53% năm 2020 lên 45,4% năm 2025.

Tăng cường liên kết vùng với các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương thuộc tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên, ven biển Tây và khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia. Công tác phối hợp quy hoạch và kết nối hạ tầng được triển khai đồng bộ, tập trung thúc đẩy các hành lang kinh tế Châu Đốc – Long Xuyên – Rạch Giá – Hà Tiên và tuyến ven biển Rạch Giá – Kiên Lương, gắn với phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu và nông nghiệp hiện đại. Hoạt động liên kết về thương mại, du lịch, logistics và xúc tiến đầu tư được mở rộng, góp phần hình thành và củng cố các chuỗi giá trị liên vùng, nâng cao hiệu quả hợp tác và tạo động lực phát triển chung cho toàn vùng.

## **2.7. Phát triển văn hóa – xã hội toàn diện, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục và chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Công tác giáo dục, đào tạo tiếp tục được quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả nổi bật. Chất lượng giáo dục các cấp chuyển biến rõ nét theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; giáo dục ở vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được đầu tư đồng bộ; Công tác chuyển đổi số được triển khai tại 100% cơ sở giáo dục, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dạy – học.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân 2025, các ngày lễ, kỷ niệm<sup>35</sup> và chào mừng đại hội

---

ký đầu tư khoảng 13.420 tỷ đồng, tổng diện tích đất cho thuê khoảng 218 ha. Đối với cụm công nghiệp, tỉnh có 47 cụm công nghiệp, với diện tích 1.955 ha, trong đó, có 10 cụm công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích là 279,35 ha (trong đó, có 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật đạt 540,14 tỷ đồng; thu hút 27 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký 7.350,5 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho khoảng 14.256 lao động; tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đạt 80,82%).

<sup>34</sup> Gồm: (1). Dự án nhà ở xã hội khu đô thị Tây Bắc thành phố Rạch Giá; (2) Dự án Khu nhà ở xã hội thuộc dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm thành phố Phú Quốc; (3). Dự án Tuyến dân cư Đường số 2 thành phố Rạch Giá; (4) Dự án khu dân cư Chợ Nông hải sản trung tâm thương mại Rạch Giá; (5) Dự án nhà ở xã hội thuộc khu đô thị mới Tây Sông Hậu; (6) Dự án nhà ở xã hội – khu đô thị Golden City An Giang; (7) Dự án nhà ở xã hội Tây Đại Học; (8) Dự án nhà ở công nhân khu công nghiệp Bình Hòa.

<sup>35</sup> Tuyên truyền kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2025); 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955-27/02/2025); 135 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2025); 50 năm

đảng bộ các cấp. Thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị. Đầu tư xây dựng hoàn thành nhiều công trình văn hóa, lịch sử; tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng quốc gia đặc biệt<sup>36</sup>; tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ đề cử Khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê trình UNESCO xét, công nhận Di sản Thế giới. Hoạt động thể dục thể thao phát triển mạnh gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”<sup>37</sup>.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ. Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao<sup>38</sup>; hệ thống y tế được đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại<sup>39</sup>, phát triển kỹ thuật chuyên sâu<sup>40</sup>, đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế. Công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm được thực hiện chủ động. Đội ngũ y, bác sĩ được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, thực hiện tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành y tế<sup>41</sup>. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả<sup>42</sup>.

Các chính sách bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời<sup>43</sup>; môi trường xã hội an toàn, lành mạnh được củng cố thông qua các chương trình bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và tệ nạn xã hội. Công tác giảm nghèo đa chiều đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 1,9% năm 2020 còn 0,91% năm 2025. Công tác giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chuyển đổi nghề cho người dân được đẩy mạnh, tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân<sup>44</sup>. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo<sup>45</sup>; đời sống đồng

---

Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025); 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam; lễ đón bằng UNESCO ghi danh di sản văn hoá phi vật thể Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại; 63 năm ngày hy sinh của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phan Thị Ràng (09/01/1962 - 09/01/2025); 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025), truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và tặng thưởng Huân chương Độc lập cho gia đình liệt sĩ; Lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Campuchia và trong nước đợt 28 năm 2025...

<sup>36</sup> Như: công trình Tượng đài Bác Hồ tại Phú Quốc; Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Khu Di tích văn hóa Ốc Eo - Ba Thê, Trại giam Phú Quốc.

<sup>37</sup> Tỷ lệ người dân tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 39,5%; thể thao thành tích cao đạt 2.785 huy chương cấp quốc gia và quốc tế (806 HCV, 841 HCB, 1.138 HCD).

<sup>38</sup> Đến năm 2025, tỉnh đạt 11 bác sĩ/vạn dân (tăng 2,02 bác sĩ so với năm 2020) và 31,24 giường bệnh/vạn dân (tăng 2,76 giường bệnh so với năm 2020).

<sup>39</sup> Hoàn thành và đưa vào hoạt động công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang quy mô 1020 giường; Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang quy mô 400 giường; Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng An Giang 100 giường; khối Sản 200 giường, khối Nhi 200 giường - thuộc Bệnh viện Sản Nhi An Giang; ... Đang thực hiện Mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 02) Bệnh viện đa khoa An Giang, Bệnh viện Tim mạch An Giang (cơ sở 02) quy mô 600 giường - giai đoạn I: 350 giường, Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt quy mô 150 giường; Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.... Nâng cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi, đầu tư thiết bị y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang (CDC), chuẩn bị triển khai thực hiện đầu tư thiết bị y tế chuyên sâu cho các đơn vị y tế trực thuộc.

<sup>40</sup> Như can thiệp mạch não, can thiệp tim mạch, phẫu thuật tim hở, phẫu thuật đặt mảnh ghép sa tạng chậu trong sản phụ khoa, hồi sức sơ sinh và nuôi sống trẻ 800 – 1.000 gram, ... Nâng cao chất lượng mạng lưới cấp cứu và điều trị đột quỵ, trong đó có 06 Bệnh viện đạt chứng nhận của Hội Đột quỵ Thế giới (gồm 02 Kim Cương, 02 Vàng, 02 Bạch Kim).

<sup>41</sup> Triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, đăng ký khám chữa bệnh bằng hệ thống Kiosk thông minh....

<sup>42</sup> Đến năm 2025, toàn tỉnh có 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế, 17,33% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội và 12,11% tham gia bảo hiểm thất nghiệp (hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra).

<sup>43</sup> Có 99% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú; 100% xã, phường, đặc khu được công nhận làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công.

<sup>44</sup> Giai đoạn 2021-2025, bình quân mỗi năm toàn tỉnh đã hỗ trợ tạo việc làm cho khoảng 40.000 người, trong đó, hàng năm số người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài khoảng 1.000 người. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng

bào dân tộc thiểu số tiếp tục ổn định, từng bước cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm còn 1,86%. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách dân tộc được tăng cường, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## **2.8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu**

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung quản lý đất công và các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; tổ chức thống kê, đo đạc, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Các cơ chế tạo quỹ đất, cải thiện môi trường đầu tư và hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai từng bước được hoàn thiện. Chủ động cung cấp nguồn cát phục vụ các dự án giao thông trọng điểm<sup>46</sup>, đẩy nhanh công tác xác định giá đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Công tác bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu được chú trọng; nhiều công trình xử lý nước thải, rác thải, hạ tầng môi trường được đầu tư, góp phần cải thiện điều kiện sống cho người dân<sup>47</sup>. Các biện pháp phòng, chống thiên tai, sạt lở, bảo vệ tài nguyên nước và đa dạng sinh học được triển khai đồng bộ, nhiều công trình trọng điểm được đầu tư xây dựng<sup>48</sup>, góp phần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

## **2.9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính**

Triển khai nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết đấu tranh, xử lý các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bộ máy hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả<sup>49</sup>. Công tác tinh giản biên chế được thực hiện đúng lộ trình, gắn với xây dựng và hoàn thiện đề án vị trí việc làm theo quy định<sup>50</sup>. Chính sách

---

giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông – lâm – thủy sản (chiếm 34,6%), tăng tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp – xây dựng (19,78%) và dịch vụ (45,62%). Tỷ lệ thất nghiệp dưới 3,6%; năng suất lao động theo giá so sánh năm 2025 ước đạt 86,48 triệu đồng/lao động.

<sup>45</sup> Tổ chức thăm hỏi, động viên, hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách, người có uy tín, chức sắc tôn giáo là người dân tộc thiểu số trong các dịp lễ, tết truyền thống. Các ngày tết, lễ hội truyền thống của đồng bào được duy trì và tổ chức trang trọng mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc như Tết Chôl Chnăm Thmây, Sene Đôn Ta, Ok Om Bok của người Khmer, Tết Roya Haji của đồng bào Chăm, Tết Nguyên tiêu, lễ Cầu An của người Hoa. Nâng cấp tổ chức lễ hội Lễ hội Ok Om Bok của đồng bào Khmer thành Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh....

<sup>46</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 10 khu mỏ cát sông được Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận cho các nhà thầu thi công cao tốc được thu hồi khoáng sản theo cơ chế đặc thù và 01 khu vực nạo vét chỉnh trị dòng chảy sông Vàm Nao đang hoạt động với tổng khối lượng được cấp phép phục vụ công trình đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang - Cà Mau là 18.218.593 m<sup>3</sup>.

<sup>47</sup> Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt 99,76% (tăng 16% so với năm 2020), duy trì tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%, chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 92% (tăng 6,86% so với năm 2020); 50% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường (tăng 25% so với năm 2020).

<sup>48</sup> Tỉnh đã tập trung thực hiện 39 dự án với tổng số vốn 5.834.369 triệu đồng, đến nay đã hoàn thành 32 dự án, 04 dự án dự kiến hoàn thành năm 2026, 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2027.

<sup>49</sup> Tỉnh An Giang sau sáp nhập đã thành lập 102 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh, gồm 85 xã, 14 phường và 3 đặc khu; thành lập tổ chức đảng, chính quyền cấp xã; chấm dứt hoạt động của Đảng bộ cấp huyện cũ.

<sup>50</sup> Phê duyệt Đề án điều chỉnh vị trí việc làm công chức cho 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp được triển khai kịp thời, đúng chế độ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện kịp thời, không để tồn đọng, kéo dài, phát sinh điểm nóng; toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 2.090/2.060 đơn khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ 93,34%. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và kiểm soát thủ tục hành chính. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện hiệu quả, kết luận kịp thời, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; chú trọng giám sát, xử lý sau thanh tra<sup>51</sup>. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng được đẩy nhanh tiến độ, nhất là các vụ việc được dư luận xã hội quan tâm, Ban chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

## **2.10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội**

Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; chủ động nắm chắc, đánh giá và dự báo sát tình hình, nhất là trên các tuyến biên giới, biển đảo, địa bàn trọng điểm. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp tỉnh. Triển khai lực lượng, phương tiện bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa – xã hội quan trọng của tỉnh. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc tiến độ xây dựng các cụm điểm tựa biên giới, các công trình thuộc dự án xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Tổ chức đăng ký, quản lý, sắp xếp quân nhân dự bị đúng quy định. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh đúng kế hoạch. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Chủ động tăng cường nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng, thực hiện các giải pháp phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội, tập trung trấn áp, triệt phá tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế, tội phạm về ma túy, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Các hoạt động băng nhóm, tội phạm, các vụ trọng án trên địa bàn có xu hướng giảm, số vụ tội phạm về trật tự xã hội giảm trung bình 1,2%/năm. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm soát; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai được thực hiện hiệu quả, hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

## **2.11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế**

Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, duy trì hợp tác hữu nghị với nhiều địa phương nước ngoài và triển khai hợp tác trên hầu hết các lĩnh vực phát triển<sup>52</sup>. Công tác ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh thông qua các đoàn

XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

<sup>51</sup> Ban hành kết luận 706 cuộc thanh tra hành chính, qua thanh tra phát hiện sai phạm, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước trên 159 tỷ đồng; đồng thời, triển khai, kết thúc, ban hành kết luận 828 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 24.246 tổ chức, cá nhân, ban hành 4.511 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 46.711 triệu đồng.

<sup>52</sup> Tỉnh có quan hệ hợp tác hữu nghị với 21 địa phương của 9 quốc gia là Campuchia, Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản,

công tác ra - vào, các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hợp tác quốc tế<sup>53</sup>. Thường xuyên tổ chức, phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp đón các đoàn ngoại giao<sup>54</sup>. Công tác ngoại giao văn hóa, đối ngoại nhân dân và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt nhiều kết quả thiết thực, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và an sinh trên địa bàn tỉnh<sup>55</sup>. Đặc biệt, tỉnh tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác ổn định, hữu nghị với chính quyền các tỉnh Kamput, Takeo, Kandal, Kep, Preah Sihanouk của Vương quốc Cam-pu-chia, các hoạt động giao lưu, trao đổi đoàn, hợp tác phòng chống tội phạm, kiểm soát biên giới, phát triển thương mại biên mậu, du lịch, văn hóa và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Quan tâm đầu tư trang bị, nâng cao năng lực cho lực lượng biên phòng, công an, hải quan và phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc<sup>56</sup> và tố giác tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; tăng trưởng duy trì mức khá, đặc biệt giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19 (>7%). Du lịch giữ vai trò ngành kinh tế mũi nhọn, thu hút mạnh các dự án đầu tư, nhất là tại Phú Quốc. Khu vực nông - lâm - thủy sản chuyển từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu, gia tăng giá trị; kinh tế biển, kinh tế biên mậu được chú trọng đầu tư và phát triển. Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá. Hoạt động thương mại - dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch được đẩy mạnh; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị được cải thiện rõ rệt; môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thuận lợi, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và mở rộng liên kết vùng. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu được triển khai chủ động, hiệu quả. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được quan tâm đầu tư, nâng cấp đồng bộ, tạo nền tảng thúc đẩy xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả được triển khai đúng lộ trình. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; khu vực

---

Pháp, Thụy Điển, Đức, Hà Lan nội dung hợp tác trên hầu hết các lĩnh vực như: an ninh, quốc phòng, nông nghiệp, thủy sản, du lịch, thương mại, đầu tư, năng lượng tái tạo, logistics, văn hoá, khảo cổ, giáo dục, y tế.

<sup>53</sup> Giai đoạn 2021-2025, tỉnh thực hiện 25 đoàn ra (các nước Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản,...), 31 đoàn vào (của Campuchia, Lào); đón nhiều đoàn Lãnh đạo cơ quan đại diện nước ngoài (Ấn Độ, Philippines, Lào, Hoa Kỳ, Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản,...) đến thăm, chào xã giao lãnh đạo tỉnh; cấp thẻ đi lại của doanh nhân ABTC (APEC) cho 31 doanh nhân của 12 doanh nghiệp.

<sup>54</sup> Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh có 65 Hội nghị, hội thảo tổ chức trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với các nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, y tế và giáo dục, môi trường, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

<sup>55</sup> Tỉnh An Giang có 52 tổ chức phi chính phủ nước ngoài có Giấy phép đăng ký địa bàn hoạt động; vận động và tiếp nhận 77 khoản viện trợ trị giá cam kết 5,777 triệu USD, giải ngân đạt 54,8%, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, môi trường, biến đổi khí hậu.

<sup>56</sup> Tỉnh đã hoàn thành phần giới cắm mốc: 58/74 mốc chính, 172 mốc phụ, 67 cọc dấu; đã phân giới được 118,761km, chưa phân giới 29,127m (từ mốc 241-245/1; 246/3-254; 266/1-266/2; 295-301), trong đó, có 16 mốc chính.



biên giới, hải đảo ổn định; các hoạt động đối ngoại, hợp tác biên giới được tăng cường.

*Bên cạnh kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như:*

### **1. Tồn tại, hạn chế**

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với quy mô và tiềm năng của tỉnh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chất lượng tăng trưởng chưa bền vững; thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với bình quân cả nước. Nông nghiệp quy mô nhỏ, thiếu liên kết chế biến sâu và chưa khai thác hiệu quả tiềm năng giá trị gia tăng. Công nghiệp có tỷ trọng thấp trong GRDP; công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ và logistics nông sản phát triển chậm; xuất khẩu chủ yếu ở mức sơ chế. Liên kết vùng và liên kết giữa các tiểu vùng trong tỉnh chưa thật sự chặt chẽ; thu hút đầu tư còn khó khăn, nhất là các dự án công nghệ cao, quy mô lớn. Kinh tế biển và thủy sản chịu áp lực lớn từ suy giảm nguồn lợi, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, bờ biển. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt là giao thông, logistics, cảng biển - cảng cá, năng lượng, hạ tầng số, cũng như hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại các đô thị ven biển, khu du lịch và trên đảo. Ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và quản trị còn hạn chế. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý không gian kiến trúc đô thị, bảo tồn hệ sinh thái rừng và biển còn bất cập. Công tác quản lý tài nguyên, nhất là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, có nơi chưa chặt chẽ; tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số khu vực chưa được xử lý hiệu quả, bền vững. Lĩnh vực văn hóa - xã hội chưa được đầu tư đúng mức, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Đời sống của một bộ phận người dân ở các khu vực vùng sâu, vùng khó khăn, hải đảo vẫn đang gặp nhiều khó khăn, thoát nghèo chưa bền vững. Tình hình an ninh, trật tự ở nông thôn, biên giới và vùng biển có lúc diễn biến phức tạp.

### **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

#### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Những tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn qua chịu tác động lớn từ các yếu tố khách quan, trong đó có những biến động khó lường của tình hình quốc tế, đại dịch Covid-19... đã tác động nghiêm trọng trong những năm đầu kế hoạch, làm gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội và gây áp lực lên hệ thống y tế, an sinh. Tình trạng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, bão lũ và khan hiếm nguyên vật liệu kéo dài cũng ảnh hưởng đến sản xuất, xây dựng và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Việc triển khai các quy hoạch còn chậm, thiếu đồng bộ; hệ thống pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng còn chồng chéo, bất cập. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, logistics và hạ tầng số phát triển chưa đồng đều. Một số cơ chế, chính sách điều tiết vĩ mô chưa theo kịp thực tiễn địa phương.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ có mặt còn hạn chế. Năng lực và hoạt động dự báo, định hướng quy hoạch, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, chính sách từng lúc và có mặt chưa kịp thời, hiệu quả. Tinh thần trách nhiệm, hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao. Trình tự thủ tục đầu tư còn rườm rà, mất nhiều thời gian. Công tác phân cấp, phân quyền ở một số lĩnh vực còn vướng mắc. Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương có lúc, có nơi chưa đồng bộ, chặt chẽ.

## **Phần thứ hai**

# **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030**

## **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

### **1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước**

Thế giới biến động nhanh, phức tạp, cạnh tranh chiến lược gia tăng; hòa bình, hợp tác và phát triển đứng trước nhiều thách thức; cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh, tác động sâu rộng; các rủi ro về an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tiếp tục gia tăng. Trong nước, sau 40 năm đổi mới, tiềm lực và vị thế quốc gia được nâng cao, mở ra nhiều thời cơ mới từ tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển khoa học - công nghệ.

### **2. Dự báo tình hình trong tỉnh**

#### **2.1. Về thuận lợi**

Sau hợp nhất, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km<sup>2</sup>, dân số gần 3,7 triệu người, gồm 102 xã, phường và 03 đặc khu (Phú Quốc, Kiên Hải và Thổ Châu). Tỉnh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, có đường bờ biển dài hơn 200 km, và hơn 148 km đường biên giới trên bộ giáp Vương quốc Campuchia, thuận lợi giao thương quốc tế qua các cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Hà Tiên và hệ thống cửa khẩu phụ; có biển Tây và đầu nguồn sông Mê Kông là đầu mối giao thương nội vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, Phnom Penh và Vịnh Thái Lan. Việc hợp nhất 02 tỉnh đã mở rộng không gian phát triển đồng bằng - biên giới - biển đảo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực; khai thác tốt hơn các tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, thủy sản nước ngọt và mặn lợ, biên mậu, kinh tế biển và du lịch biển đảo. Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện, thể chế, chính sách từng bước hoàn thiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Hạ tầng giao thông vùng và liên vùng đang được đầu tư đồng bộ, đặc biệt Phú Quốc được đầu tư hạ tầng hiện đại, hưởng nhiều cơ chế ưu đãi về đầu tư, đất đai, visa..., thu hút các tập đoàn lớn và các dự án quy mô lớn. Tỉnh có tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế biển xanh, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo... và văn hóa đa dân tộc.

#### **2.2. Về thách thức**

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh đang đối mặt với nhiều thách thức lớn trong quá trình phát triển: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; biến đổi khí hậu, thiên tai, sạt lở, xâm nhập mặn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, các yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, “xanh hóa” chuỗi sản xuất cùng áp lực cạnh tranh từ các nước trong khu vực đặt ra thách thức lớn cho nông – thủy sản và du lịch của tỉnh. Tỉnh cũng phải đối phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, buôn lậu, tội phạm biên giới, di cư trái phép và an ninh mạng; đồng thời chịu áp lực trong quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần

hoàn, kinh tế xanh, kinh tế phát thải các-bon thấp, kinh tế số và kinh tế chia sẻ, khi nguồn lực, cơ chế đặc thù và năng lực triển khai còn hạn chế. Doanh nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, trình độ công nghệ chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực tài chính hạn chế và kinh nghiệm quản lý yếu kém, bộc lộ nhiều bất cập. Thiếu cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế biển, logistics, năng lượng tái tạo, kinh tế số và chuyển đổi số. Lao động dịch chuyển đến các tỉnh, khu vực Đông Nam bộ để tìm việc làm cao, gây hạn chế, thiếu hụt nguồn lao động cho tỉnh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; nguồn vật liệu xây dựng khan hiếm, chi phí đầu tư cao ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và tiến độ các dự án trọng điểm.

## **II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; Đặc khu Phú Quốc đạt tầm cỡ quốc tế; Rạch Giá là trung tâm chính trị - hành chính, thương mại - dịch vụ, tổng hợp và chuyên ngành; vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Cam-pu-chia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế thuộc nhóm đầu cả nước; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại chủ động, rộng mở; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

*2.1. Các chỉ tiêu kinh tế (10 chỉ tiêu):* (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 616.565,83 tỷ đồng; (2) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm đạt từ 11% trở lên; (3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 6.300 đô la Mỹ trở lên; (4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 30%; (5) Tổng thu ngân sách 5 năm đạt 162.080 tỷ đồng; (6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 654.507 tỷ đồng; (7) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 28,6%; (8) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 50%; (9) Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,54%; (10) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) xếp hạng 11/34 trên cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) xếp hạng 05/34 trên cả nước.

*2.2. Các chỉ tiêu xã hội (18 chỉ tiêu):* (1) Dân số toàn tỉnh đạt 3.755.949 người (theo số liệu của Cục Thống kê); (2) Tuổi thọ trung bình đạt 75,5 tuổi, trong đó: số năm sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; (3) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75; (4) Giải quyết việc làm mới bình quân 40.000 lao

động/năm; (5) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 100%; (6) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 79%, trong đó, có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%; (7) Tỷ lệ thất nghiệp đạt dưới 3,6%; (8) Năng suất lao động (theo giá so sánh) đạt 140,44 triệu đồng/lao động; (9) Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân đạt 15 bác sỹ; (10) Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 35 giường; (11) Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân và 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần; (12) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 25%; (13) Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 80%; (14) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân 0,3 - 0,5%/năm; (15) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt trên 8,59 triệu đồng; (16) Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 89,5%; (17) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%<sup>57</sup>; (18) Số lượng nhà ở xã hội hoàn thành trên 6.220 căn.

*2.3. Các chỉ tiêu môi trường (05 chỉ tiêu):* (1) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,90%; (2) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; (3) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; (4) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; (5) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo, điều hành**

**1.1.** Tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; rà soát, cập nhật, cụ thể hóa các chương trình, kế hoạch theo yêu cầu phát triển của tỉnh sau sáp nhập, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp thực tiễn. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng linh hoạt, sâu sát; thực hiện nghiêm “06 rõ”<sup>58</sup> trong phân công nhiệm vụ gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực. Tăng cường theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh chính sách, giải pháp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**1.2.** Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị<sup>59</sup>; Kết luận số 199-KL/TW ngày 10/10/2025 của Hội nghị Trung

<sup>57</sup> Theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030 (Nghị quyết số 224/2025/QH15 ngày 13/11/2025).

<sup>58</sup> rõ việc; rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan phối hợp; rõ biện pháp, nguồn lực thực hiện; rõ thời gian; rõ thẩm quyền, trách nhiệm; rõ sản phẩm đạt được.

<sup>59</sup> Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị

ương 13 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2025-2026; Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới; Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đặc khu Thổ Châu...

**1.3. Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào các hoạt động kinh tế - xã hội.** Tập trung các lĩnh vực kinh tế trọng tâm gồm: Phát triển dịch vụ du lịch An Giang trở thành thương hiệu mạnh quốc gia và quốc tế. Phát triển công nghiệp, nông nghiệp gắn với chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển kinh tế biên mậu, kinh tế biên. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, phát huy giá trị văn hóa và con người An Giang, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội.

**1.4. Tập trung phát triển không gian kinh tế gắn với hai trục kết nối chiến lược.** Trục dọc nội vùng ưu tiên nâng cấp Quốc lộ 80 (Long Xuyên – Rạch Giá), nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc mới (Long Xuyên, Rạch Giá), nâng cấp phát triển tuyến Quốc lộ N1 (Hà Tiên – Tịnh Biên – Châu Đốc). Trục ngang cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng đẩy nhanh tiến độ, kết hợp nâng cấp cao tốc Lộ Tẻ – Rạch Sỏi và Hà Tiên – Rạch Giá – Bạc Liêu, hình thành mạng lưới giao thông liên vùng hiện đại, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế.

**1.5. Tập trung xây dựng và củng cố 04 trụ cột phát triển gồm:** (1) Khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với phát triển giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (2) Phát triển kinh tế tư nhân, thu hút doanh nghiệp lớn, nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt tại vùng Tứ giác Long Xuyên và Đặc khu Phú Quốc; (3) Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển; (4) Tăng cường hội nhập, hợp tác và liên kết vùng – quốc tế, thúc đẩy kinh tế cửa khẩu với Vương quốc Cam-pu-chia, mở rộng kết nối với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và phát triển kinh tế biển hướng ra biển Tây.

---

quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 6/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

**1.6.** Tập trung phát triển 05 vùng động lực trọng điểm gồm: Rạch Giá - trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế tổng hợp, kinh tế công nghiệp, thương mại – dịch vụ và kinh tế biển hiện đại; Phú Quốc – trung tâm du lịch, thương mại quốc tế, phát triển toàn diện với hạ tầng giao thông, cảng biển, sân bay và hệ sinh thái du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đẳng cấp; Long Xuyên là khu vực kinh tế tổng hợp - đầu mối giao thương vùng Tứ giác Long Xuyên, thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, logistics và thương mại theo hướng hiện đại; Châu Đốc – trung tâm du lịch tâm linh, sinh thái và kinh tế biên mậu gắn với cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, kết nối mạnh với tuyến cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng; Hà Tiên – trung tâm kinh tế biển, du lịch và thương mại biên giới của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cửa ngõ giao thương với Vương quốc Campuchia và các nước ASEAN.

**1.7.** Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các danh mục chương trình, đề án, dự án trọng tâm, nhằm định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng cường kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, thúc đẩy kinh tế tư nhân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo tồn giá trị văn hóa<sup>60</sup>.

## **2. Thực hiện 03 khâu đột phá chiến lược**

**2.1.** Tập trung phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia. Chú trọng phát triển du lịch biển, trọng tâm là đặc khu Phú Quốc với cơ chế đặc thù, vượt trội, trở thành đầu tàu, lan tỏa phát triển sang các vùng và các lĩnh vực khác; chú trọng phát triển các đô thị biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cho phát triển kinh tế biển như hạ tầng giao thông, cảng biển; thúc đẩy phát triển nuôi biển.

**2.2.** Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng. *Một là*, hoàn thiện các cao tốc kết nối vùng, cảng, sân bay Phú Quốc, Rạch Giá và phối hợp Trung ương đầu tư xây dựng sân bay tại đặc khu Thổ Châu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. *Hai là*, phát triển các cảng biển và cảng sông đa năng, phục vụ logistics, xuất nhập khẩu và du lịch. *Ba là*, phát triển hạ tầng số, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

**2.3.** Đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế; chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị, tập trung vào chính quyền số (phục vụ Nhân dân; phục vụ lãnh đạo, điều hành) và kinh tế số (phục vụ sản xuất kinh doanh, chú trọng công

<sup>60</sup> (i) Đề án rà soát quy hoạch: Cập nhật và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, quy hoạch lại đặc khu Phú Quốc xứng tầm với yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong thời gian tới, nhất là tổ chức tốt APEC 2027, đảm bảo đồng bộ với quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - Quy hoạch biển quốc gia. (ii) Đề án phát triển Tứ giác Long Xuyên; Đặc khu Phú Quốc; kinh tế cửa khẩu; kinh tế biển, với trọng tâm tam giác Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. (iii) Đề án phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng và đưa vào vận hành Chương trình thu hút các doanh nghiệp chiến lược đầu tư vào Phú Quốc và Tứ giác Long Xuyên. (iv) Chương trình phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Cảng Trần Đề; tập trung nâng cấp cao tốc Vàm Cống - Rạch Sỏi; đẩy nhanh triển khai cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; nâng cấp tuyến đường Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc và hướng về Tiền Giang - Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng chương trình phát triển đô thị, đặc biệt là các đô thị TOD dọc theo các tuyến cao tốc và các sân bay Phú Quốc, Rạch Giá. (v) Đề án phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển mới và bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang. (vi) Đề án thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản). Chú trọng đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể**

### **1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững**

Tập trung vận dụng linh hoạt, hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương; đồng thời, chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế và đạt mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững. Ưu tiên hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, có lợi thế so sánh như: kinh tế biển, du lịch, công nghiệp chế biến – chế tạo, nông nghiệp và thủy sản quy mô lớn, sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng cao, kinh tế biên mậu, thương mại và dịch vụ logistics, năng lượng tái tạo. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các cơ chế khuyến khích, ưu đãi đối với các lĩnh vực mới, dự án công nghệ cao, dự án lớn mang tính động lực, phù hợp xu hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Tập trung tối đa nguồn lực nhằm rà soát, điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo hướng đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dài hạn; hình thành các không gian phát triển mới, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Ưu tiên lập và phê duyệt quy hoạch các khu vực động lực và trọng điểm như: đặc khu, vùng ven biển, khu - cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch và đô thị mới. Đồng thời, chú trọng Quy hoạch phát triển không gian ngầm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị hiện đại (cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, giao thông và viễn thông), nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Khẩn trương hoàn thiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch chung xây dựng đặc khu Thổ Châu; phối hợp Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho đặc khu Phú Quốc. Công tác quy hoạch cần gắn kết chặt chẽ với các trục động lực quốc gia như: hành lang ven biển, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, tuyến đường thủy nội địa và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đồng thời xác định rõ các cực tăng trưởng (*Rạch Giá - Long Xuyên - Phú Quốc - Châu Đốc - Hà Tiên*) làm nền tảng hình thành hệ thống đô thị động lực và vùng liên kết phát triển bền vững.

### **2. Cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh sẵn có; đồng thời xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

**2.1.** Triển khai kịp thời hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tín dụng, nhất là tập trung vào các ngành, lĩnh vực phát triển kinh - xã hội trọng tâm của quốc gia và của tỉnh, đặc biệt chú trọng tín dụng đầu tư đổi mới sáng



tạo và chuyển đổi số. Triển khai các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo, các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Cung ứng đầy đủ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, nhất là các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh để góp phần chuyển nền kinh tế địa phương sang tăng trưởng xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính trên địa bàn.

**2.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách.** Tăng cường quản lý thu, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế; xử lý nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách; ưu tiên bố trí ngân sách cho các lĩnh vực đột phá như: phát triển hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, du lịch - dịch vụ biển, và nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thu, nộp ngân sách và dịch vụ công. Tăng cường tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm dần gánh nặng cho ngân sách.

### **2.3. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới**

#### *a) Về nông – lâm – ngư nghiệp:*

Thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, gắn với chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn, liên kết theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản, rau màu, cây ăn trái, dược liệu gắn với chế biến sâu và chăn nuôi gia súc. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án của Chính phủ về phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030. Hình thành trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản nước ngọt và dược liệu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển thương hiệu sản phẩm chủ lực thông qua đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tăng cường truyền thông và xúc tiến thương mại trong nước, quốc tế.

Thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất chăn nuôi; khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, mời gọi doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào chăn nuôi tại tỉnh; tăng cường ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, khuyến khích phát triển chăn nuôi quy mô lớn đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng trồng và hiệu quả kinh tế rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, thực hiện nghiêm công tác phòng cháy, chữa cháy và xử lý nghiêm các hành vi chặt phá

rừng, lấn chiếm đất rừng và phòng chống cháy rừng, góp phần duy trì độ che phủ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Tổ chức lại khai thác thủy sản theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn nguồn lợi thủy sản và sinh kế bền vững của ngư dân. Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, nuôi biển hiện đại gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nghề cá tại các ngư trường, hải đảo. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển nuôi biển theo định hướng bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030, nhất là phát huy có hiệu quả các dự án nuôi biển đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác IUU; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, xử lý nghiêm các phương tiện tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ tín dụng, liên kết sản xuất tiêu thụ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững; khuyến khích các mô hình nông thôn mới thông minh, sinh thái, nông thôn mới gắn với đô thị hóa, và nông thôn mới biên giới – biển đảo. Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và tổ hợp tác theo hướng liên kết chuỗi giá trị, nâng cao năng lực quản trị và ứng dụng khoa học công nghệ, tham gia sâu vào các chuỗi sản xuất, tiêu thụ chủ lực của tỉnh.

*b) Công nghiệp:* Đẩy nhanh tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng trưởng xanh và hiệu quả. Chuyển phát triển công nghiệp từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp và năng lượng sạch; hạn chế các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động, gây ô nhiễm môi trường. Hình thành cụm liên kết ngành chế biến lương thực, thực phẩm; phát triển ngành sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên cơ sở khai thác hợp lý thế mạnh về dược liệu của tỉnh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu, công nghiệp chế tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu phát triển công nghiệp phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Thu hút đầu tư các dự án ưu tiên trọng điểm như đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, hình thành các cụm nhà máy chế biến nông thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến công nghệ cao, thân thiện môi trường, gắn với vùng nguyên liệu tập trung,... Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh; phối hợp ngành điện đẩy mạnh công tác đầu tư hạ tầng cấp điện trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án đường dây, trạm biến áp trên đất liền và trên đảo<sup>61</sup>, bảo đảm cung ứng điện ổn định

<sup>61</sup> như: dự án cấp điện từ điện lưới Quốc gia cho đảo An Sơn và Nam Du - đặc khu Kiên Hải; các dự án đầu tư trọng điểm ngành điện trên địa bàn đặc khu Phú Quốc phục vụ Hội nghị cấp cao APEC; nghiên cứu, đề xuất dự án cấp điện

cho sản xuất và sinh hoạt. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên mời gọi đầu tư các dự án năng lượng tái tạo như: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối và điện rác, phù hợp với Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

*c) Thương mại, dịch vụ, du lịch:* Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh thương mại văn minh, hiện đại; đẩy mạnh phát triển thương mại theo hướng công nghệ hóa, số hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch trực tuyến<sup>62</sup>, nhằm quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Phát triển hệ thống chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, nhất là ở khu vực nông thôn, biên giới; tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường, kết nối cung - cầu hàng hóa.

Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng kênh phân phối; xây dựng và bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mở rộng hợp tác tiêu thụ nông – thủy sản với Thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm kinh tế lớn. Phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, dịch vụ logistics, kho bãi, trung tâm phân phối, góp phần phát triển các chuỗi cung ứng hỗ trợ cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng thương mại biên giới, logistics xuất nhập khẩu, phát huy vai trò đầu mối giao thương của tỉnh với Campuchia và các nước ASEAN; thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch và khai thác hiệu quả các thị trường có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như logistics, thương mại điện tử, thương mại quốc tế, công nghệ thông tin, du lịch, y tế, giáo dục, khoa học – công nghệ. Phát triển hạ tầng vận tải, cảng sông, bến xe, bến tàu, hình thành mạng lưới trung tâm logistics gắn với các trục giao thông chiến lược và khu vực biên giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và cung ứng dịch vụ vận tải, logistics; phát triển vận tải đa phương thức, vận tải công cộng thông minh; chuyển đổi xanh trong hoạt động vận tải; khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân tham gia đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực logistics, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, vận tải hàng hóa xuyên biên giới. Tăng cường liên kết vùng trong lĩnh vực vận tải và logistics, thúc đẩy hợp tác vận chuyển hàng hóa và hành khách giữa An Giang với Đồng Tháp, Cần Thơ, Cà Mau và các tỉnh giáp biên Campuchia; từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ vận tải - logistics liên vùng, xuyên biên giới, kết nối thông suốt chuỗi cung ứng khu vực.

Tập trung triển khai đồng bộ các chương trình, đề án, dự án trọng tâm về phát triển du lịch; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách về miễn thị

thực, thuế, xuất nhập cảnh để thu hút khách quốc tế và các nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh,... tạo đột phá đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững; thúc đẩy phát triển du lịch biển, đảo - núi, sinh thái, văn hóa - tâm linh và nông nghiệp đặc trưng, hình thành chuỗi giá trị du lịch đa dạng, hấp dẫn và khác biệt. Phát triển Phú Quốc trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, kết nối với khu, điểm du lịch quan trọng khác như vùng Bảy Núi, Khu du lịch quốc gia Núi Sam - định hướng trở thành trung tâm du lịch tâm linh, sinh thái hàng đầu của Đồng bằng sông Cửu Long, Rừng trà Trà Sư, U Minh Thượng, vùng nông thôn sinh thái sông nước; kết hợp với phát triển kinh tế ban đêm ở các đô thị lớn Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên tạo ra hệ thống dịch vụ du lịch liên hoàn và thông suốt. Thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng và dịch vụ du lịch đồng bộ, hình thành các khu, điểm du lịch tổng hợp, khu vui chơi - giải trí hiện đại, cơ sở lưu trú đạt chuẩn quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Định hướng phát triển, đa dạng hóa hệ thống doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng du lịch quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quảng bá và xúc tiến du lịch, mở rộng liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong vùng và đối tác quốc tế. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng du lịch toàn cầu. Tăng cường học tập kinh nghiệm về phát triển dịch vụ du lịch từ các nước trong khu vực như Xinh-ga-po, Thái Lan, Ma-lai-xi-a,... Tiếp tục tạo dựng môi trường du lịch văn hóa, văn minh, thân thiện; xây dựng Phú Quốc thành “đơn vị kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị”. Phát huy lợi thế tài nguyên tự nhiên, bản sắc văn hóa và con người An Giang để xây dựng thương hiệu du lịch mang dấu ấn riêng, nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực.

#### **2.4. Phát triển kinh tế biển và kinh tế biên mậu**

Triển khai hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia; phát triển không gian liên kết Thổ Châu - Kiên Hải - Hà Tiên - Rạch Giá - Hòn Đất thành chuỗi đô thị - cảng biển - du lịch - dịch vụ ven bờ và tuyến phòng thủ chiến lược thống nhất, phát triển An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia. Phát huy tiềm năng vùng biển – đảo và lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển các ngành chủ lực như du lịch biển, nuôi biển công nghệ cao, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...), chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và logistics biển. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược phục vụ kinh tế biển, hạ tầng vùng ven biển và các đảo có dân cư sinh sống; xây dựng trung tâm nghề cá lớn, trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển; nghiên cứu, triển khai các dự án lấn biển, tạo quỹ đất phát triển đô thị hướng biển, khai thác hiệu quả tiềm năng biển bồi. Khuyến khích phát triển các mô hình kết hợp điện gió, nuôi

biển công nghệ cao, chế biến sâu hình thành chuỗi giá trị thủy sản bền vững phù hợp đặc thù Biển Tây. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ những ngành kinh tế biển mới, điều tra tài nguyên, môi trường biển. Xây dựng cơ sở dữ liệu về biển, đảo; nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc.

Tập trung nguồn lực và thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Đẩy mạnh công tác lập, tích hợp, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; hoàn thiện quy hoạch phân khu các khu chức năng và hạ tầng trọng điểm tại các Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, Khu kinh tế cửa khẩu An Giang (khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Khánh Bình); triển khai kế hoạch nâng cấp cửa khẩu quốc gia Khánh Bình, Giang Thành lên cửa khẩu quốc tế. Ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng các dự án trọng điểm, đặc biệt là Trung tâm logistics cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên (giai đoạn 1) và các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ xuất nhập khẩu, thương mại biên giới. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, thủy sản phục vụ xuất khẩu; hình thành chuỗi liên kết giữa vùng nguyên liệu – chế biến – tiêu thụ để tăng giá trị gia tăng và tính bền vững cho thương mại biên giới. Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh giáp biên Campuchia trong phát triển thương mại, du lịch và hạ tầng biên giới; tăng cường liên kết với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát huy lợi thế vùng kinh tế cửa khẩu. Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành logistics, thương mại quốc tế, hải quan, và công nghệ thông tin. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu thông qua hỗ trợ vốn, công nghệ và xúc tiến thị trường. Triển khai hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, hải quan điện tử và hệ thống giám sát hiện đại, rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý hoạt động khu vực biên giới.

### **3. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng, gắn với thúc đẩy liên kết và phát triển bền vững**

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Khơi thông các nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và tài nguyên. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là kỹ năng nghề và năng lực quản trị cho doanh nghiệp tư nhân thông qua liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, cảng biển, logistics đa ngành, nuôi biển công nghệ cao, năng lượng tái tạo, các khu cụm công nghiệp, nông nghiệp quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh. Thúc đẩy mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi

cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực. Tập trung xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang gắn với Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng hướng đến mục tiêu đạt 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 trên cơ sở khai thác hiệu quả nguồn lực tư nhân cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **4. Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển. Đẩy mạnh kêu gọi nguồn vốn ngoài ngân sách, bao gồm vốn FDI, ODA, vay ưu đãi và hợp tác công tư (PPP) và nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân. Tập trung bố trí vốn và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, liên kết vùng, phát triển kết cấu hạ tầng then chốt như đường cao tốc, cảng biển, sân bay, khu công nghiệp, khu đô thị ven biển và nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đảm bảo hiệu quả đầu tư, phòng chống thất thoát, lãng phí.

Thiết lập hệ thống thông tin công khai, minh bạch về đất đai, quy hoạch, tài nguyên và môi trường nhằm giảm chi phí không chính thức, nâng cao niềm tin của nhà đầu tư. Tăng cường công tác đối thoại, kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, duy trì cơ chế phản hồi nhanh để cải thiện chỉ số PCI. Tập trung xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang giai đoạn 2026 – 2030; rà soát, lập các danh mục dự án cụ thể, đủ điều kiện pháp lý kêu gọi đầu tư, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển để lập thủ tục đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư cho giai đoạn 2026-2030; ưu tiên thu hút vào các lĩnh vực mũi nhọn như du lịch sinh thái, nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp xanh, đô thị thông minh...

#### **5. Đầu tư hạ tầng, phát triển đô thị và tăng cường liên kết vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, đặc biệt trục hành lang kinh tế Châu Đốc – Long Xuyên, hành lang biên giới gồm tuyến đường N1 từ Hà Tiên đi Châu Đốc, cầu Tân Châu - Hồng Ngự kết nối kinh tế liên vùng, Đường tỉnh 956 và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Cam-pu-chia nhằm đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực biên giới Tây Nam; hành lang dọc sông Tiền - sông Hậu, ... kết nối với tuyến cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, các công trình kết nối đường ven biển, hệ thống quốc lộ và các công trình giao thông quốc gia đi qua địa bàn. Tăng cường đầu tư các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, giao thông nông thôn, nâng cao khả năng kết nối giữa các địa phương trong tỉnh và các vùng lân cận. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng đường thủy nội địa, hạ tầng hàng hải và hàng không<sup>63</sup>. Tập trung đầu tư các trục giao thông kết nối vùng

<sup>63</sup> đặc biệt là ưu tiên hoàn thành nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cảng biển An Thới, Cảng Hòn Chông,...; các tuyến giao thông thủy cao tốc quan trọng như: Rạch Giá - Hà Tiên - Nam Du - Hòn Sơn - Phú Quốc; cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá (nay là xã Tây Yên kết nối phường Rạch Giá)

đầu nguồn với biển đảo; với Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, Cam-pu-chia và các tuyến hàng hải quốc tế.

Đối với Đặc khu Phú Quốc, tập trung phát triển hạ tầng đạt chuẩn quốc tế, thiết kế trục giao thông nối Bắc - Nam đảo Phú Quốc quy mô lớn, có đường gom dân sinh; quy hoạch đường thủy, hàng hải, đường bộ ven biển phục vụ quốc phòng và du lịch. Ưu tiên hệ thống cảng biển, cảng cá, bến du thuyền, sân bay quốc tế Phú Quốc, trung tâm logistics, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số và công trình thoát nước, xử lý chất thải.

Đối với Đặc khu Thổ Châu, sớm hoàn thành thủ tục công bố Cảng Thổ Châu, đưa vào khai thác tuyến Thổ Châu – Bãi Vòng (Phú Quốc) và ngược lại với tần suất 03 ngày/01 chuyến; nghiên cứu mở tuyến tàu thương mại hoạt động tuyến Rạch Giá - Thổ Châu và ngược lại; xây dựng Cảng hàng không lưỡng dụng 4C tính đến khả năng mở rộng cảng 4E trong tương lai; nâng cấp 02 cảng cá lưỡng dụng phục vụ hậu cần nghề cá và xây dựng các công trình hạ tầng khác phục vụ vùng chiến lược về quốc phòng - an ninh - kinh tế - xã hội tại cực Tây Nam.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành dự án cấp điện từ điện lưới Quốc gia cho đảo An Sơn và Nam Du - đặc khu Kiên Hải; các dự án đầu tư trọng điểm ngành điện trên địa bàn đặc khu Phú Quốc phục vụ Hội nghị APEC, nghiên cứu, đề xuất dự án cấp điện lưới quốc gia và cấp quang cho đảo Thổ Châu, đảm bảo cấp điện, internet, thông tin liên lạc ổn định, bền vững ... Tiếp tục triển khai xây dựng nhà ở xã hội theo kế hoạch; phát triển đồng bộ hạ tầng tại các vùng trọng điểm<sup>64</sup>, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu đô thị, khu du lịch,... đảm bảo kết nối thông suốt. Nâng cấp hạ tầng số, bưu chính - viễn thông để thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tiếp tục đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng biến đổi khí hậu và ưu tiên các dự án văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế trọng điểm.

Đẩy mạnh hợp tác và liên kết với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các diễn đàn kinh tế, hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư; thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị sản phẩm đặc trưng và liên kết doanh nghiệp theo mô hình sản xuất hiện đại. Thực hiện hiệu quả Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Quy hoạch tổng thể quốc gia; triển khai các công trình hạ tầng chiến lược kết nối vùng và liên vùng mở ra không gian phát triển mới, đặc biệt là hạ tầng giao thông, thủy lợi, quản trị nguồn nước, hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh, nhà ở xã hội, hạ tầng phòng, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng và hạn mặn.

## **6. Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học công

<sup>64</sup> Đặc khu Phú Quốc, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên trở thành các đô thị du lịch, sinh thái, tâm linh và nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đạt tầm cỡ quốc tế; thương mại - dịch vụ tổng hợp và chuyên ngành; trung tâm khoa học và công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, logistics, thương mại biên giới để lan tỏa sang các vùng, khu vực khác để phát triển các lĩnh vực kinh tế của tỉnh.

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” và Đề án 06. Rà soát, triển khai thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia<sup>65</sup>. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị và dịch vụ công. Ưu tiên chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, y tế, giáo dục, dịch vụ công. Tập trung ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm như: kinh tế biển, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sâu các nông sản chủ lực, dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất phần mềm ứng dụng AI, nhằm tạo động lực mới và đột phá trong phát triển kinh tế – xã hội.

Xây dựng và vận hành đồng bộ cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực, nhất là cơ sở dữ liệu về đất đai, khoáng sản, đưa dữ liệu thành tài nguyên. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị sản phẩm trên thị trường.

Hoàn thiện cơ chế, huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng công nghệ, trung tâm nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo, công nghệ thông tin. Xây dựng trung tâm công nghệ tập trung, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm tập trung và mở rộng phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ phân tích, kiểm nghiệm các mặt hàng chủ lực như lúa gạo, thủy sản, trái cây, dược liệu. Phát triển trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và nâng cấp trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kết nối với các tổ chức khoa học trong và ngoài tỉnh. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, đầu tư phát triển các trường đại học trọng điểm trên địa bàn tỉnh trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, gắn kết nghiên cứu với ứng dụng thực tiễn. Đảm bảo bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tăng cường đào tạo, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Liên kết và phát huy hiệu quả các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam. Nghiên cứu ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh để thu hút sinh viên, chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và làm việc tại An Giang. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các trường Trung học phổ thông theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp nhận và

<sup>65</sup> Nhất là, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định số 88/2025/ND-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.



chuyển giao công nghệ tiên tiến về trí tuệ nhân tạo, sinh học, dữ liệu lớn, năng lượng sạch..., nâng cao năng suất và sức cạnh tranh, từng bước đưa tỉnh An Giang trở thành trung tâm ứng dụng khoa học - công nghệ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

## **7. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Thực hiện đổi mới giáo dục theo hướng toàn diện, hiện đại, gắn nâng cao dân trí với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình mục tiêu quốc gia nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035. Triển khai thực hiện một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc sử dụng từ năm học 2026-2027; thực hiện hiệu quả kết luận của Bộ Chính trị về thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên toàn quốc từ năm học 2025-2026; đề án xây dựng các trường nội trú cho học sinh phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực, kỹ năng thực hành và tư duy sáng tạo. Đầu tư hoàn thiện mạng lưới trường lớp, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị; phát triển mô hình trường học số, trường học thông minh, nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia. Xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời; triển khai phong trào “*Bình dân học vụ số*”, đào tạo “*ngôn ngữ số*”, hình thành “*thế hệ trẻ An Giang số*”; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục giữa thành thị và nông thôn, ưu tiên đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, trung tâm đào tạo kỹ thuật chất lượng cao và mô hình liên kết “*nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp*”. Tăng cường thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài; xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo của tỉnh.

## **8. Phát huy mạnh mẽ giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang trong giai đoạn mới; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống Nhân dân**

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 và Đề án Quốc tế hóa bản sắc văn hóa dân tộc, dân tộc hóa tinh hoa văn hóa thế giới. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển văn hóa - thể thao, dựa trên tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, bao gồm văn hóa sông nước - biển đảo, đa dạng tôn giáo - dân tộc và lễ hội truyền thống đặc sắc. Xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nếp sống văn hóa - văn minh gắn với nâng cao đời sống văn hóa và thu hẹp chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa các vùng. Tiếp tục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng Kinh, Khmer, Chăm, Hoa; khai thác hiệu quả các di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc. Hoàn thiện hồ sơ Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới; xây dựng các đề

án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh sau khi được UNESCO ghi danh và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Thúc đẩy số hóa di sản, ứng dụng công nghệ trong bảo tồn, giới thiệu và tổ chức sự kiện văn hóa - thể thao, quảng bá hình ảnh địa phương đến người dân và du khách. Đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, ưu tiên đầu tư xây dựng nhà văn hóa đa năng, thư viện, sân chơi cộng đồng, trung tâm thể thao công lập kết hợp dịch vụ xã hội hóa tại các đô thị. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, xã hội hóa các môn thể thao gắn với du lịch, nâng cao thể chất cộng đồng và phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, câu lạc bộ thể thao cơ sở; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trung tâm huấn luyện và nâng cao chất lượng đào tạo vận động viên năng khiếu.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030. Phát triển hệ thống y tế hiện đại, kết hợp hài hòa giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền và y học hiện đại, kết hợp quân dân y, đảm bảo người dân được chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế; chất lượng dịch vụ y tế các tuyến; thu hẹp khoảng cách về chỉ số y tế giữa các vùng, nhóm dân cư. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành y tế, triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khỏe điện tử, phát triển mô hình khám chữa bệnh từ xa, bệnh viện vệ tinh, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nhất là đầu tư các bệnh viện chuyên sâu, bệnh viện khu vực, hiện đại, phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Phát triển Bệnh viện đa khoa Kiên Giang đảm nhận chức năng vùng; các bệnh viện tuyến tỉnh hiện đại, phát triển một số chuyên khoa sâu. Từng bước sắp xếp, tổ chức lại các trung tâm y tế thành bệnh viện đa khoa để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân trong khu vực. Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 102 trạm y tế xã, phường, đặc khu và các điểm trạm phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong giai đoạn mới; đầu tư cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo từng khu vực, mở rộng quy mô chăm sóc, góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội cho các đối tượng yếu thế. Khuyến khích phát triển y tế tư nhân, hợp tác công - tư, thu hút đầu tư bệnh viện tiêu chuẩn quốc tế phục vụ du lịch y tế. Củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm

thất nghiệp, mở rộng diện bao phủ, nhất là đối tượng yếu thế, lao động phi chính thức.

Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo đa chiều bền vững, chính sách cho người có công, gia đình chính sách theo hướng toàn diện, bao trùm theo quan điểm chỉ đạo “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, nhân rộng các mô hình giảm nghèo đa chiều, lấy hộ nghèo làm trung tâm, ưu tiên hỗ trợ vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Tăng cường thực hiện hiệu quả công tác trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất một triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”.

Tăng cường kết nối cung cầu, phát triển đồng bộ và hiện đại thị trường lao động. Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm mới. Chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Quan tâm phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, đào tạo, bố trí cán bộ, phát triển đội ngũ giáo viên, y bác sĩ là người dân tộc hoặc am hiểu văn hóa, ngôn ngữ dân tộc. Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## **9. Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

Tăng cường quản lý, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, biển, khoáng sản, thủy sản. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án phòng, chống suy giảm đa dạng sinh học; bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; bảo vệ giống loài và nguồn gen; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc. Tăng cường quản lý môi trường, ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái đa dạng sinh học. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng môi trường, xử lý nước thải, chất thải rắn tại đô thị, khu dân cư, khu/cụm công nghiệp, làng nghề, giảm ô nhiễm rác thải nhựa, chấm dứt chôn lấp rác đến năm 2030, bảo đảm tiêu chí đô thị “sáng, xanh, sạch, đẹp”, đặc biệt tại Phú Quốc và các đô thị lớn. Xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, thông tin kịp thời về diễn biến thời tiết thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, xói

lờ bờ sông, bờ biển,...) để chủ động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; nâng cao hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

**10. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh Quốc gia trong tình hình mới. Tập trung xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là trên địa bàn biên giới, biển, đảo và vùng trọng điểm; xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn kết với an ninh nhân dân; xây dựng thể trận lòng dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Kịp thời rà soát, điều chỉnh, xây dựng hệ thống văn kiện tác chiến phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và sự phối hợp giữa các lực lượng trong xử lý các tình huống phức tạp về quốc phòng, an ninh. Củng cố thể trận phòng thủ liên hoàn với 03 điểm tựa tam giác chiến lược: “Phủ Quốc - Hòn Khoai - Thổ Chu”, bảo đảm 03 vùng chiến lược: “Vùng ven bờ chiến lược, vùng tam giác chuyển tiếp chiến lược và vùng tiền tiêu chiến lược”. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; quan tâm chính sách hậu phương quân đội, công an.

Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới, an ninh mạng, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của Nhân dân, phòng ngừa đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, phản động; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Triển khai đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông, phòng chống cháy, nổ. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh. Xây dựng lực lượng công an, quân sự, biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có chất lượng tổng hợp và có sức mạnh chiến đấu cao, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

**11. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế**

Tập trung mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; thực hiện đồng bộ, toàn diện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị. Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với địa phương các nước bạn đã ký kết, mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nông nghiệp, thủy sản, du lịch, thương mại, đầu tư, năng lượng tái tạo, logistics, văn hóa, giáo dục, y tế và môi trường; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng nguồn

nhân lực, môi trường, chuyển đổi năng lượng, tăng trưởng xanh, thích ứng biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo quốc tế, công tác bảo hộ công dân, ký kết và triển khai các thỏa thuận quốc tế; thúc đẩy việc phân giới, cắm mốc biên giới; tìm kiếm, quy tập hài cốt quân tình nguyện hy sinh tại Cam-pu-chia. Chủ động các hoạt động đối ngoại để tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển kinh tế biên mậu, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả ba trụ cột: đối ngoại của cấp ủy đảng, ngoại giao chính quyền và đối ngoại nhân dân; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, để tỉnh An Giang phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ địa phương hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khả năng ứng phó với các tác động từ môi trường quốc tế.

## **12. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính**

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế đúng quy định và phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp, bảo đảm thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện tốt cơ chế, pháp luật về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi. Rà soát, đánh giá năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng công khai, minh bạch, dựa trên phẩm chất, năng lực và kết quả thực thi công vụ, làm căn cứ để bổ nhiệm, đề bạt. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm minh bạch trong tổ chức và hoạt động.

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp (SIPAS), chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), trọng tâm là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm vận hành thông suốt, chuyên nghiệp, hiện đại và gắn kết chặt chẽ với chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số của tỉnh. Tổ chức rà soát và đơn giản hóa toàn bộ thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ trong tất cả các lĩnh vực; triển khai thống nhất, hiệu quả cơ chế “một cửa liên thông” trên phạm vi toàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; mở rộng số hóa dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước đối với dân cư, doanh nghiệp, đất đai, y tế, giáo dục và các lĩnh vực khác. Đẩy mạnh phân cấp cho cấp xã trong các lĩnh vực quản lý đầu tư, đất đai, ngân sách, tuyển dụng,... đi đôi với xây dựng

năng lực thực thi, kiểm tra giám sát chặt chẽ và tăng cường minh bạch thông tin.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nâng cao chất lượng xây dựng và thi hành văn bản pháp luật; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn. Kiện toàn tổ chức bộ máy tư pháp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác xét xử, kiểm sát, điều tra, thi hành án.

Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như tài chính ngân sách, đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản,...; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm. Thực hiện tốt công tác tiếp dân định kỳ, đột xuất của người đứng đầu các cấp và giải quyết kịp thời đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để tồn đọng, kéo dài, phát sinh trở thành điểm nóng. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong bộ máy chính quyền. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, công khai minh bạch tài sản cán bộ lãnh đạo, nâng cao vai trò người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và Nhân dân trong việc giám sát, phát hiện và đấu tranh với hành vi tham nhũng, tiêu cực.

### **13. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và tạo đồng thuận xã hội**

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030 vào cuộc sống; nâng cao hiệu quả tuyên truyền, tạo sự đồng thuận xã hội và khơi dậy khát vọng vươn lên trong Nhân dân. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung và phương thức truyền thông về các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, những nhiệm vụ trọng tâm phát triển của tỉnh giai đoạn 2026-2030. Tăng cường lan tỏa các mô hình hay, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, góp phần củng cố niềm tin và động lực phát triển trong toàn xã hội.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể nhằm triển khai hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2026–2030 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua; bảo đảm tiến độ, chất lượng và phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển của tỉnh trong giai đoạn 05 năm.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện; định kỳ tổ chức sơ

kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đánh giá kết quả đạt được, nhận diện khó khăn, vướng mắc và tham mưu điều chỉnh chỉ tiêu, bổ sung giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của tỉnh An Giang, đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP; các phòng nghiên cứu thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, tqtrung “HT”.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Mừng**

## PHỤ LỤC 1

### Các chương trình/đề án/kế hoạch thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang 5 năm 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 13 /KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

| STT      | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                     | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cấp trình           | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                        | Tiến độ thực hiện                                                                                                                                                        | Nguồn lực thực hiện                             |
|----------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Về 03 đột phá chiến lược</b>                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     |                              |                                                                                         |                                                                                                                                                                          |                                                 |
| 1        | Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.    | (1) Đến năm 2030, tỉnh An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển quốc gia. (2) Đạt các tiêu chí quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển. (3) Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa biển; hình thành văn hóa sinh thái biển. (4) Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển, biển xâm thực vùng ven biển; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. (5) Ứng dụng khoa học mới, tiên tiến, hiện đại để thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh. | Thủ tướng Chính phủ | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ban, ngành, địa phương; các đơn vị có liên quan và đơn vị tư vấn xây dựng Đề án | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách                      |
| 2        | Đề án hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, logistics. | (1) Hoàn thiện các cao tốc nội tỉnh và liên vùng, các trục giao thông kết nối giữa Rạch Giá - Long Xuyên, Tịnh Biên - Hà Tiên. (2) Nâng cấp sân bay Phú Quốc, Rạch Giá đáp ứng yêu cầu mới. (3) Phát triển các cảng biển và cảng sông đa năng, phục vụ logistics, xuất nhập khẩu và du lịch.                                                                                                                                                                                                                                                                           | UBND tỉnh           | Sở Xây dựng                  | Các bộ, ngành có liên quan của Trung ương; các sở, ngành tỉnh có liên quan.             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ. |



| STT                                                                    | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                              | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cấp trình | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                                                             | Tiến độ thực hiện                                                                                           | Nguồn lực thực hiện                                                |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 3                                                                      | Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.  | (1) Thực hiện đạt các chỉ tiêu (TFP, PII, DTI...) và nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. (2) Tỉnh An Giang từng bước trở thành trung tâm khoa học công nghệ ứng dụng và đổi mới sáng tạo vùng Tây Nam bộ. (3) Đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xem đây là đột phá quan trọng, động lực phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới quản trị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa An Giang phát triển nhanh trong giai đoạn mới. | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban ngành tỉnh có liên quan; các trường đại học trên địa bàn; các đơn vị có hợp tác, liên kết với tỉnh.              | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.  | Ngân sách; ngoài ngân sách; nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ. |
| <b>II Về phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường</b> |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |                          |                                                                                                                              |                                                                                                             |                                                                    |
| 4                                                                      | Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo hướng đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng, các Quy hoạch ngành và Quy hoạch khác có liên quan, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dài hạn, gắn với huy động tối đa các nguồn lực khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, làm cơ sở định hướng phát triển không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, quy hoạch đặc khu Phú Quốc xứng tầm với yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong thời gian tới.                                                                                       | UBND tỉnh | Sở Tài chính             | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan; các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành tháng 01/2026.<br>- Sau khi có Quyết định phê duyệt sẽ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. | Ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác.                     |
| 5                                                                      | Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang                  | (1) Xây dựng hệ thống các giải pháp mang tính thực thi, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt mức tăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | UBND tỉnh | Sở Tài chính             | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan;                                                                                        | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.                                                                          | Ngân sách và các nguồn huy                                         |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                            | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cấp trình | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                   | Tiến độ thực hiện                                                                                     | Nguồn lực thực hiện                                               |
|-----|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|     | hướng tới mục tiêu hai con số giai đoạn 2026-2030          | trường hai con số trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. (2) Tập trung khai thác có hiệu quả, bền vững tiềm năng lợi thế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |                 | UBND các xã, phường, đặc khu.                                      | - Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.                                  | động hợp pháp khác.                                               |
| 6   | Kế hoạch nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính. | (1) Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đạt thứ hạng từ 20 cả nước trở lên. (2) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạng mẽ chuyển đổi số; nâng cao chất lượng phục vụ, trách nhiệm cán bộ, công chức; tăng cường giám sát, minh bạch, hiệu quả quản trị; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, địa phương đảm trách thực hiện các chỉ số; khắc phục tốt các hạn chế, yếu kém đã chỉ ra của năm trước liền kề.                                                                                                         | UBND tỉnh | Sở Nội vụ       | Bộ Nội vụ; VCCI khu vực Cần Thơ.                                   | - Hoàn thành nhất 15/02/2026.<br>- Hằng năm sơ kết rút kinh nghiệm.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.       | Ngân sách, ngoài ngân sách, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ. |
| 7   | Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang.            | (1) Triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh trong giai đoạn hiện nay, đề xuất giải pháp, chính sách phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh hướng tới mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 10-12%/năm, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa | UBND tỉnh | Sở Tài chính    | Các sở, ban ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác.                    |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cấp trình | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                        | Tiến độ thực hiện                                                                                                                                                        | Nguồn lực thực hiện                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                        | bàn tính đạt khoảng 85-90% GRDP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |                              |                                                                                         |                                                                                                                                                                          |                                                                   |
| 8   | Đề án phát triển Phú Quốc theo cơ chế đặc thù, vượt trội.                                              | (1) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng tiệm cận mô hình đặc khu kinh tế quốc tế với thể chế kinh tế mở, linh hoạt và có tính cạnh tranh cao. (2) Thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thuế và các thủ tục hành chính liên quan, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch và thuận lợi cho nhà đầu tư. (3) Áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư ổn định, dài hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên như du lịch cao cấp, công nghệ cao, kinh tế số, hoạt động tài chính, ngân hàng, thương mại và dịch vụ biển. (4) Đa dạng hóa và huy động mạnh mẽ các nguồn lực tài chính, đẩy mạnh thu hút PPP, FDI, ODA và các quỹ đầu tư, tăng tỷ trọng đầu tư từ doanh nghiệp và khu vực tư nhân... | Quốc hội  | UBND tỉnh                    | Sở Tài chính và các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan; UBND đặc khu Phú Quốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác                     |
| 9   | Đề án Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo. | (1) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tạo đột phá tăng trưởng khu vực I (nông-lâm-thủy sản); triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm, tăng tỷ trọng nông nghiệp công nghệ cao trong tái cơ cấu ngành. (2) Phát triển các vùng nguyên liệu chất lượng cao gắn với công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Trường Đại học trên địa bàn; UBND các xã, phường, đặc khu.                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ. |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cấp trình | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                   | Tiến độ thực hiện                                                                                                                                                        | Nguồn lực thực hiện                             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|     |                                                                         | <p>ngiệp chế biến, chế biến sâu; đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng thương hiệu nông sản An Giang. (3) Tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao trong xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, thành lập Khu nông nghiệp công nghệ cao trọng điểm của tỉnh. (4) Xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp công nghệ cao, phát huy vai trò đầu tàu của các doanh nghiệp công nghệ cao trong đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ, tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng xanh và phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững.</p> |           |                              |                                                                    |                                                                                                                                                                          |                                                 |
| 10  | Chương trình sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm. | <p>(1) Phát triển các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương về kinh tế nông nghiệp. (2) Đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, cải tiến, chuẩn hóa quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến, chế biến sâu nông sản, thực phẩm gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. (3) Thúc đẩy liên kết sản xuất - tiêu thụ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tăng cường thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm OCOP tỉnh trên</p>                                                                                                                                     | UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ. |

| STT | Tên chương trình/dề án/kế hoạch                                                                                                           | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cấp trình | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                                                                                                    | Tiến độ thực hiện                                                                                                                                                                                                                  | Nguồn lực thực hiện                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                           | thị trường trong nước và quốc tế. (4) Đẩy mạnh phát triển các làng nghề nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn phục vụ phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |                 |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                   |
| 11  | Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.                                        | (1) Đổi mới mô hình tăng trưởng công nghiệp, tái cơ cấu nội ngành công nghiệp (từ thâm dụng tài nguyên, lao động sang thâm dụng vốn, khoa học-công nghệ; từ công nghiệp nâu sang công nghiệp các-bon thấp, cân bằng các-bon, xanh hóa và thông minh; từ giá trị gia tăng thấp lên giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị). (2) Tổ chức lại, tối ưu hóa không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn nhằm không ngừng gia tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh đến năm 2035. | UBND tỉnh | Sở Công thương  | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Ban hành chính sách thu hút trong quý II/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách và khoa học công nghệ. |
| 12  | Đề án xây dựng phát triển nhanh các đô thị động lực: Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, Giồng Riềng. | (1) Phát triển các đô thị động lực tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh và bền vững thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển, gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. (2) Nâng cao chất lượng dịch vụ, quản lý đô thị hiện đại; ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực trong quản lý, vận hành đô thị.                                                                                                                                                                                    | UBND tỉnh | Sở Xây dựng     | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; các xã, phường, đặc khu: Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, Giồng Riềng. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul>                                                           | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ.   |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                                                                                           | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cấp trình | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                               | Tiến độ thực hiện                                                                                          | Nguồn lực thực hiện                                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 13  | Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2030                                                            | Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ; phát triển hạ tầng, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; kết nối nguồn vốn, công nghệ và thị trường; ban hành chính sách khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp An Giang phát triển bền vững.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.  | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ và nguồn nhân lực. |
| 14  | Đề án Phát triển du lịch An Giang giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2040.                                                       | (1) Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; một trong những địa phương trọng điểm du lịch của nước; điểm đến du lịch biển đảo đẳng cấp quốc tế. (2) Phát triển không gian đô thị du lịch thông minh tại các khu vực trọng điểm về du lịch của tỉnh; hệ thống sản phẩm du lịch hình thành rõ nét, đặc thù và có thương hiệu; năng lực đón tiếp, phục vụ tại các khu, điểm du lịch của tỉnh được nâng cao; thu hút đầu tư các dự án, khu du lịch phức hợp quy mô lớn; hình thành các chuỗi liên kết phát triển du lịch trong và ngoài nước... | UBND tỉnh | Sở Du lịch               | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu                             | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách và khoa học công nghệ                  |
| 15  | Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035. | Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 đạt hiệu quả thực chất, thiết thực và phù hợp định hướng phát triển mới; tạo động lực đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội tỉnh An Giang theo                                                                                                                                                                                                                                         | UBND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ                    |

| STT                                              | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                                                     | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cấp trình | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                   | Tiến độ thực hiện                                                                                                                                                   | Nguồn lực thực hiện                                            |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|                                                  |                                                                                                     | hướng hiện đại và bền vững.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |                              | xã, phường, đặc khu                                                |                                                                                                                                                                     |                                                                |
| 16                                               | Đề án bảo vệ môi trường và thích ứng với đổi khí hậu, phát triển bền vững.                          | (1) Tăng cường quản lý và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu gắn với các mục tiêu phát triển bền vững. (2) Cải thiện chất lượng môi trường, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm và giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện mục tiêu Net Zero của quốc gia. (3) Nâng cao năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo môi trường; tăng cường khả năng chống chịu của hệ sinh thái và cộng đồng, chủ động phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro thiên tai. (4) Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên... | UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> |                                                                |
| <b>III PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI</b> |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |                              |                                                                    |                                                                                                                                                                     |                                                                |
| 17                                               | Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang.                                      | (1) Giữ gìn, bảo tồn, phát huy tốt giá trị bản sắc văn hoá đặc sắc An Giang. (2) Tạo ra nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND tỉnh | Sở Văn hóa và Thể thao       | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.</li> <li>- Tháng 3/2030 tổng kết.</li> </ul> | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực |
| 18                                               | Đề án Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong | (1) Xây dựng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị của tỉnh và ngoài xã hội đáp ứng tốt yêu cầu phát triển nhanh, hài hòa và bền vững. (2) Đầu tư xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | UBND tỉnh | Sở Nội vụ                    | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; các trường trên địa bàn      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành nhất 15/02/2026.</li> <li>- Tháng 3/2028 hoặc tháng</li> </ul>                                                  | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ và              |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                                                                                             | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cấp trình | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                                                                                                   | Tiến độ thực hiện                                                                                          | Nguồn lực thực hiện                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|     | bồi cảnh mới.                                                                                                                               | triển kinh tế biển-biên mậu. (3) 100% cán bộ chủ chốt đạt chuẩn kỹ năng số và năng lực quản trị hiện đại; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 79%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%; phát triển, thu hút mạnh đội ngũ chuyên gia đầu ngành tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                              |           |                        | tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu                                                                                 | 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.                                                                 | nguồn nhân lực.                                 |
| 19  | Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.                                                                                                | (1) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh, thực sự trở thành động lực trong phát triển kinh tế- xã hội. (2) Kết quả học tập của học sinh thuộc топ đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | UBND tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Tài chính; các trường đại học trên địa bàn; Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ. |
| 20  | Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh An Giang | Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở, hạn chế bệnh tật; gia tăng tỷ lệ sinh, phân đầu tỷ số giới tính khi sinh đạt mức cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số; tăng cường chăm sóc cho các nhóm dễ bị tổn thương; góp phần nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân, xây dựng nước Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng khỏe mạnh. | UBND tỉnh | Sở Y tế                | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.                                                | - Hoàn thành Quý III/2026.<br>- Năm 2030 sơ kết.<br>- Năm 2035 tổng kết.                                   | Ngân sách, ngoài ngân sách, nguồn nhân lực.     |
| 21  | Kế hoạch thực hiện                                                                                                                          | (1) Đạt chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm và                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | UBND      | Sở Nông                | Các sở, ban                                                                                                        | - Hoàn thành                                                                                               | Ngân sách,                                      |



| STT       | Tên chương trình/dề án/kế hoạch                                                                                                                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cấp trình | Cơ quan chủ trì         | Cơ quan phối hợp                                                    | Tiến độ thực hiện                                                                                          | Nguồn lực thực hiện                                         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|           | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030.                                                                                                             | nhiệm kỳ. (2) Đầu tư hạ tầng thiết yếu vùng khó khăn có chuyển biến tích cực. (3) Tạo sinh kế, việc làm; nâng cao kỹ năng, thu nhập cho người nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.                                                                                                                                                      | tỉnh      | ngành và Môi trường     | ngành có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu                  | tháng 3/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.                      | ngoài ngân sách, khoa học công nghệ.                        |
| <b>IV</b> | <b>QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI</b>                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |                         |                                                                     |                                                                                                            |                                                             |
| 22        | Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.                                                                                                                                            | (1) Xây dựng thể trận phòng thủ vững chắc; xử lý tốt các tình huống thực tế diễn ra, không bị động, bất ngờ. (2) Hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ và cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ cho các đơn vị; thực hiện tốt công tác diễn tập hằng năm, nhiệm kỳ; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. | UBND tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, nhân lực và khoa học công nghệ.                  |
| 23        | Đề án tổ chức, xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách, trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030. | (1) Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. (2) Thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức biên chế; tập huấn, huấn luyện diễn tập; xây dựng trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, chốt dân quân; chế độ chính sách cho đối tượng dân quân tự vệ.                                             | UBND tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, nhân lực và khoa học công nghệ. |
| 24        | Đề án phòng thủ dân sự giai đoạn 2026 - 2030.                                                                                                                                                           | (1) Chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ phòng thủ dân sự. (2) Cải tạo, xây dựng vị trí sơ tán phòng tránh; bảo đảm các nguồn                                                                                                                                                                                                            | UBND tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan;                               | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.                                                                         | Ngân sách, ngoài ngân sách, nhân                            |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cấp trình | Cơ quan chủ trì         | Cơ quan phối hợp                                                    | Tiến độ thực hiện                                                                                          | Nguồn lực thực hiện                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                        | lực, trang thiết bị, phương tiện đảm bảo cho các nhiệm vụ phòng thủ dân sự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |                         | UBND các xã, phường, đặc khu.                                       | - Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết.                                       | lực và khoa học công nghệ.                                  |
| 25  | Đề án bảo đảm an ninh trật tự, củng cố quốc phòng an ninh khu vực biên giới.           | Xây dựng khu vực biên giới an ninh, an toàn; nhân dân an tâm sinh sống; xử lý tốt các tình huống xảy ra; giữ tốt tình hữu nghị, láng giềng với các tỉnh giáp biên giới.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, nhân lực và khoa học công nghệ. |
| 26  | Kế hoạch xây dựng xã, phường, đặc khu đạt chuẩn về an ninh trật tự và văn minh đô thị. | (1) Huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. (2) Rà soát, chấn chỉnh, nâng cao chất lượng các mặt công tác Công an, nhất là công tác quản lý địa bàn, đối tượng, phòng ngừa tội phạm ngay từ cơ sở, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. (3) Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố toàn diện và nâng cao chất lượng, hiệu quả. | UBND tỉnh | Công an tỉnh            | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu. | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ.             |
| 27  | Đề án đẩy mạnh hoạt động đối ngoại.                                                    | (1) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng của hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhằm phát huy tối đa các nguồn lực quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. (2) Từng                                                                                                                                                                                                                                                                           | UBND tỉnh | Sở Du lịch              | Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân xã, phường,   | - Hoàn thành chậm nhất 15/02/2026.<br>- Tháng 3/2028 hoặc tháng                                            | Ngân sách, ngoài ngân sách, khoa học công nghệ, nhân        |

| STT | Tên chương trình/đề án/kế hoạch | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                               | Cấp trình | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Tiến độ thực hiện                          | Nguồn lực thực hiện |
|-----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|------------------|--------------------------------------------|---------------------|
|     |                                 | bước hoàn thiện cơ sở pháp luật, chính trị cho các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế; tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. (3) Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại. |           |                 | đặc khu.         | 6/2028 sơ kết.<br>- Tháng 3/2030 tổng kết. | lực.                |

**PHỤ LỤC 2****Danh mục công trình, dự án trọng điểm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
tỉnh An Giang 5 năm 2026-2030***(Kèm theo Kế hoạch số 13 /KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

| <b>STT</b> | <b>Công trình/Dự án</b>                                                                                                                                         | <b>Mục tiêu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Nguồn vốn</b>                                   | <b>Dự kiến tổng<br/>mức đầu tư<br/>(tỷ đồng)</b> | <b>Thời hạn (bắt<br/>đầu - kết thúc)</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Công trình, dự án trọng điểm thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh</b>                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                    |                                                  |                                          |
| 1          | Dự án thành phần 1 thuộc dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.                                                                     | Phát triển hạ tầng giao thông vùng ĐBSCL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 13.526,19                                        | 2022 - 2027                              |
| 2          | Dự án Tuyến nối từ điểm đầu đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến Cửa khẩu Tịnh Biên và điểm đầu đường cao tốc đến điểm đầu Quốc lộ 91C đi cửa khẩu. | Kết nối và phát huy tối đa hiệu quả của tuyến cao tốc trục ngang (cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng), tăng khả năng vận chuyển, lưu thông hàng hoá giữa các vùng trong khu vực, giao thương hàng hóa giữa 2 tỉnh An Giang và Tà Keo – Campuchia, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế biên mậu, của các ngành dịch vụ, du lịch, tiểu thủ công nghiệp,... góp phần thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế của người dân trong vùng | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 3.704                                            | 2026 - 2030                              |

| STT | Công trình/Dự án                                                                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                 | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 3   | Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu                                                                                              | Phát triển hạ tầng giao thông vùng ĐBSCL                                                                                                                 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 80.836                            | 2026 - 2030                   |
| 4   | Tuyến đường N1 từ Hà Tiên đi Châu Đốc.                                                                                                   | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                          | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.780                             | 2026 - 2030                   |
| 5   | Dự án Tuyến kết nối đường cao tốc với trung tâm phường Rạch Giá song song đường tỉnh 960 (kết nối phường Rạch Giá và phường Long Xuyên). | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                          | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 8.200                             | 2026 - 2030                   |
| 6   | Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, tỉnh An Giang.                                                                        | Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá, sớm hoàn thành và đưa vào khai thác trong quý I năm 2027 phục vụ cho tuần lễ Cấp cao APEC 2027. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác |                                   | 2026 - 2030                   |
| 7   | Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Phú Quốc, tỉnh An Giang.                                                                        | Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Phú Quốc, sớm hoàn thành và đưa vào khai thác trong quý I năm 2027 phục vụ cho tuần lễ Cấp cao APEC 2027. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác |                                   | 2025 - 2027                   |

| STT       | Công trình/Dự án                                                                                                                                                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 8         | Đầu tư xây dựng Cảng hàng không lưỡng dụng 4C tại đặc khu Thổ Châu tính đến khả năng mở rộng cảng 4E trong tương lai, nâng cấp 02 cảng cá lưỡng dụng phục vụ hậu cần nghề cá và xây dựng các công trình hạ tầng tại đảo. | Đầu tư xây dựng Cảng hàng không lưỡng dụng 4C tính đến khả năng mở rộng cảng 4E trong tương lai, nâng cấp 02 cảng cá lưỡng dụng phục vụ hậu cần nghề cá và xây dựng các công trình hạ tầng tại đảo, xác định đây là các công trình phục vụ vùng chiến lược về quốc phòng - an ninh - kinh tế - xã hội tại cực Tây Nam của Tổ quốc, cần triển khai ngay theo lệnh khẩn cấp để nhanh chóng khơi công, rút ngắn thời gian thi công và sớm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác |                                   | 2026 - 2030                   |
| <b>II</b> | <b>Công trình, dự án trọng điểm kết nối hạ tầng đồng bộ khác<sup>66</sup></b>                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                    |                                   |                               |
| 1         | Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn.                                                                                                                                                                                            | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.188,42                          | 2025 - 2027                   |

<sup>66</sup> Các công trình, dự án trên chuẩn bị và thực hiện đầu tư theo thứ tự ưu tiên khi có nguồn lực đảm bảo từ vốn ngân sách nhà nước và vốn hợp pháp khác.

| STT | Công trình/Dự án                                                                                            | Mục tiêu                                                                     | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 2   | Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2.                                                                          | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.429,30                          | 2025 - 2027                   |
| 3   | Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm tổ chức hội nghị APEC và các công trình chức năng. | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.400                             | 2025 - 2027                   |
| 4   | Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973).                      | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.500                             | 2025 - 2027                   |
| 5   | Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1.                                                                         | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 9.000                             | 2025 - 2027                   |
| 6   | Dự án Đại lộ APEC.                                                                                          | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.820                             | 2025 - 2027                   |
| 7   | Khu tái định cư Cửa Cạn.                                                                                    | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.650                             | 2025 - 2027                   |
| 8   | Khu tái định cư An Thới.                                                                                    | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.319,41                          | 2025 - 2027                   |

| STT | Công trình/Dự án                                                                                                                    | Mục tiêu                                                                     | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 9   | Khu tái định cư Hồ Suối Lớn.                                                                                                        | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.300                             | 2025 - 2027                   |
| 10  | Khu tái định cư Hàm Ninh.                                                                                                           | Phát triển cơ sở hạ tầng đặc khu Phú Quốc; phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2027 | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.200                             | 2025 - 2027                   |
| 11  | Đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá.                                | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                              | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 3.900                             | 2024 - 2030                   |
| 12  | Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên.                                               | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                              | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.400                             | 2025 - 2030                   |
| 13  | Đường dẫn ra cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên.                                                                                       | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                              | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.477                             | 2025 - 2030                   |
| 14  | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau.                                         | Phát triển hạ tầng giao thông vùng DBSCL                                     | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.326                             | 2026 - 2030                   |
| 15  | Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn Quốc lộ 80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng. | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                              | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.728                             | 2026 - 2030                   |



| STT | Công trình/Dự án                                                                                                               | Mục tiêu                                                                                                                                              | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 16  | Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)               | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                       | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.020,63                          | 2026 - 2030                   |
| 17  | Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh nhánh)                | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                       | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.121,44                          | 2026 - 2030                   |
| 18  | Cảng tổng hợp Hà Tiên (giai đoạn 1)                                                                                            | Phát triển hạ tầng cảng biển                                                                                                                          | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.950                             | 2026 - 2030                   |
| 19  | Đầu tư xây dựng công trình đường kênh Vành Đai Rạch Giá                                                                        | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                       | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.555                             | 2025 - 2030                   |
| 20  | Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch Giá đến cầu Ba Hòn) | Phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh                                                                                                       | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.808                             | 2025 - 2030                   |
| 21  | Xây dựng hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng tứ giác Long Xuyên.                 | Phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng tứ giác Long Xuyên                                                                    | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 3.185,91                          | 2024 - 2030                   |
| 22  | Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (MERIT-WB11).                                     | Phát triển công trình (đê điều, hạ tầng) và phi công trình (chuyển đổi sản xuất, nông nghiệp thông minh) để thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.197,62                          | 2025 - 2030                   |

| STT | Công trình/Dự án                                    | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 23  | Xây dựng Cầu Tân Châu - Hồng Ngự.                   | Tạo sự liên kết đồng bộ trên toàn tuyến N1, thúc đẩy kết nối liên tục giữa các tỉnh Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang. Tăng khả năng vận chuyển, lưu thông hàng hoá, hành khách giữa các vùng trong khu vực, các ngành dịch vụ phát triển góp phần thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế của người dân trong vùng.                                                                         | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 6.777                             | 2026 - 2030                   |
| 24  | Xây dựng tuyến đường liên vùng - Cầu Tôn Đức Thắng. | Đảm bảo giao thông đường bộ thông suốt, sẽ đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân được thuận lợi khi viếng thăm Khu di tích lịch sử (Khu tưởng niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng); phá bỏ thế ngăn cách cù lao, kết nối với đô thị trung tâm; đẩy mạnh nhu cầu giao thương và tiềm năng về phát triển các loại hình du lịch của vùng đất này và điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 6.175                             | 2026 - 2030                   |
| 25  | Tuyến đường tỉnh 956.                               | Kết nối trung tâm văn hóa, kinh tế, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp giữa các khu vực trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là kết nối với tuyến cao tốc đi qua (tại nút giao Km38 đang thực hiện điều chỉnh bổ sung dự án để đầu tư xây dựng) tạo sự                                                                                                                                            | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 4.850                             | 2026-2030                     |

| STT | Công trình/Dự án                                                                                     | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nguồn vốn                                          | Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Thời hạn (bắt đầu - kết thúc) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
|     |                                                                                                      | thông thương cho vận chuyển hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện để phát triển các khu vực dân cư mới.                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                    |                                   |                               |
| 26  | Dự án Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia. | Kết nối cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương với tuyến Quốc lộ 91C để đến cửa khẩu Long Bình và kết nối với Quốc lộ 110, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia, tăng cường giao thương hàng hóa giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia, phục vụ du lịch, phát triển kinh tế vùng biên giới.                                                                                                                             | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 2.400                             | 2026 - 2030                   |
| 27  | Tuyến đường tránh Quốc lộ 91 qua đô thị Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung.                                  | Phục vụ phát triển hạ tầng đường bộ tạo cơ sở vững chắc và ổn định để phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá... Do đó, dự án mang tính khả thi cao và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và của tỉnh An Giang nói riêng, đồng thời đáp ứng được nguyện vọng của người dân sinh sống tại địa phương. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 1.495                             | 2026-2030                     |
| 28  | Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang.                                                  | Phát triển hạ tầng phục vụ thủy sản của tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 623,75                            | 2026 - 2030                   |

| <b>STT</b> | <b>Công trình/Dự án</b>                                                                                                                 | <b>Mục tiêu</b>                                         | <b>Nguồn vốn</b>                                   | <b>Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)</b> | <b>Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|
| 29         | Đầu tư nâng cấp trang thiết bị 06 TTYT tuyến huyện của tỉnh An Giang sử dụng vốn vay tín dụng đầu tư công (PIF) của Chính phủ Phần Lan. | Nâng cấp trang thiết bị cho 06 Trung tâm y tế của tỉnh. | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác | 955,23                                   | 2026 - 2030                          |
| 30         | Đầu tư 02 dự án đường ven biển đặc khu Phú Quốc.                                                                                        | Đầu tư hạ tầng kết nối đặc khu Phú Quốc.                | Ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác |                                          | 2026 - 2030                          |